TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
NHÓM TƯ VẤN QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ MÔI TRƯỜNG - FREM

SỔ TAY NHẬN BIẾT
CÁC LOÀI CÂY GỖ THƯỜNG GẶP

KIỂU RỪNG KHÔ THƯA CÂY HỌ DẦU (RỪNG KHỘP)

Ở TÂY NGUYÊN

2012

MỞ ĐẦU

Sổ tay xác định nhanh loài thực vật trong các hệ sinh thái rừng, vùng sinh thái với mục đích hỗ trợ cho nhân viên lâm nghiệp hiện trường, giảng viên, nhà nghiên cứu, sinh viên, học sinh và những người quan tâm có thể tra cứu, xác định nhanh loài thực vật trong rừng.

Với mục đích đó, sổ tay này được xây dựng và sử dụng theo nguyên tắc:

- Tra cứu nhanh loài thực vật cho từng kiểu rừng, vùng sinh thái. Do vậy sổ tay được lập riêng cho từng đối tượng; mỗi kiểu rừng và vùng sinh thái có một sổ riêng; khi vào khu rừng nào, địa phương nào cụ thể thì chọn sổ thích hợp để giới hạn số loài cần định danh.
- Việc mô tả sinh thái, hình thái loài chỉ lựa chọn những đặc điểm có thể nhận biết ngay trong rừng, không chép lại các sách phân loại thực vật.
- Xác định loài nhanh thông qua hình thái cây bằng các hình ảnh chỉ thị rõ ràng và có thể nhận biết, thấy được ngay trong rừng như lá, cành, hoa, quả, vỏ, bạnh cây, nhựa, giác gỗ, ….
- Xác định nhanh thông qua đặc điểm nhận dạng đặc biệt riêng có của loài đó như: cành mọc ngang, vỏ có nhựa mủ đỏ, giác vàng …
- Loài được sắp xếp theo thứ tự A, B, C theo tên phổ thông của loài đó
- Ngoài ra một số loài đặc biệt có thể có thêm thông tin về công dụng, đặc điểm gỗ, sinh thái, mức quy hiếm, nguy cơ tuyệt chủng …

Sổ tay là tài liệu mở, thường xuyên được cập nhật bởi tất cả thành viên tham gia, do vậy mỗi thành viên trong quá trình nghiên cứu trong rừng có thể thu thập hình ảnh, thông tin để cập nhật; được in màu để làm việc trong rừng và upload và cập nhật trên web site: http://www.socialforestry.org.vn

Trưởng nhóm tư vấn

PGS.TS. Bảo Huy

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI XÂY DỰNG SỔ TAY

Stt	Họ và tên	Học vị học hàm	Trách nhiệm
1	Bảo Huy	PGS.TS.	Chủ biên Xây dựng cấu trúc sổ tay, khóa tra
2	Nguyễn Đức Định	Th.S.	Thu thập hình ảnh, dữ liệu, thông tin và định danh thực vật, xây dựng các khóa tra
3	Nguyễn Thế Hiển	KS.	Thu thập hình ảnh, mẫu vật, dữ liệu trên hiện trường và tập hợp thành sổ tay, khóa tra
4	Các thành viên FREM, sinh viên		Tham gia thu thập hình ảnh, mẫu vật

DANH MỤC CÁC LOÀI THEO TÊN TIẾNG VIỆT

1. BẰNG LĂNG CÒI 6
2. BẦU NÂU 8
3. BÌNH LINH 10
4. BỒ KẾT 12
5. BỒ KẾT RỪNG 14
6. BỜI LỜI NHỚT 16
7. BỨA 18
8. CÀ CHÍT 20
9. CÀ GIAM CHUỒN 22
10. CÁM 24
11. CẨM LAI BÀ RỊA 26
12. CẨM LAI ĐEN 28
13. CẨM LIÊN 30
14. CĂM XE 32
15. CHÂY XIÊM, MÀ CA 34
16. CHẸO RĂNG 36
17. CHIÊU LIÊU ĐEN 38
18. CHIÊU LIÊU KHA TỬ 40
19. CHIÊU LIÊU NGHỆ 42
20. CHIÊU LIÊU NƯỚC 44
21. CHIÊU LIÊU ỔI 46
22. CÓC CHUỘT 48
23. CÓC RỪNG 50
24. CÔM 52
25. DÀNH DÀNH 54
26. DẦU ĐỒNG 56
27. DẦU LÔNG 58
28. DẦU TRÀ BENG 60
29. DẺ ANH 62
30. ĐẠT PHƯỚC 64
31. GÁO ĐỎ 66
32. GÁO KHÔNG CUỐNG 68
33. GÁO VÀNG 70

34. GIÁNG HƯƠNG 72
35. GÒN RỪNG 74
36. GIÊNG GIÊNG 76
37. GÕ MẬT 78
38. KIỀN KIỀN 80
39. KƠ NIA 82
40. MÀ CA LÁ LỚN 84
41. MÃ TIỀN QUẠ 86
42. ME RỪNG 88
43. MÓNG BÒ 90
44. NA LÁ RỘNG 92
45. NHÃN DÊ 94
46. NHÀU NHUỘM 96
47. NHỌC 98
48. QUAU VÀNG 100
49. QUAO XANH 102
50. RAU SẮNG, RAU NGÓT RỪNG 104
51. RÂM 106
52. SẦM 108
53. SẾN MỦ 110
54. SÓNG RẮN 112
55. SỒI KERI 114
56. SỔ 5 NHỤY 116
57. SỔ TRAI 118
58. SƠN BIÊN 120
59. SƠN HUYẾT 122
60. SƯNG 124
61. THÀNH NGẠNH LÔNG 126
62. THÀNH NGẠNH 128
63. THẦU TẤU LÔNG 130
64. THỊ MÂM 132
65. THẨU MẬT, THỔ MẬT 134
66. THỪNG MỰC LÔNG 136
67. TRÁM LÁ ĐỎ 138
68. TRÂM VỐI 140
69. VỎ DỤT 142

70. VỪNG, MƯNG 144
71. XOÀI..... 146
72. XOAN CHỊU HẠN..... 148

1. BẰNG LĂNG CÒI

<table>
<tr><td>Tên phổ thông loài: Bằng lăng còi

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: Lagerstroemia lecomtei Gagnep.

Họ: Lythraceae

Bộ: Myrtales</td><td> </td></tr>
<tr><td colspan="2">Hình ảnh nhận dạng loài</td></tr>
<tr><td>Lá
 </td><td>Cành
 </td></tr>
<tr><td>Thân
 </td><td>Vỏ, giác gỗ
 </td></tr>
</table>

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ nhỏ, vỏ bong mảnh, thịt vỏ hồng nhạt.
Lá đơn mọc đối, nhẵn bóng.
Hoa chùm hình chùy, màu hồng đến trắng hồng.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Chịu được hoàn cảnh sống khắc nghiệt, nơi đá tảng, đất cát, khô nóng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, cao 4-6m. **Vỏ** xám đen, bong mảnh. **Lá** đơn mọc đối, lá mặt trên màu xanh lục đậm bóng, mặt dưới nhạt, kích thước lá nhỏ khoảng 4-6x7-9cm và hơi tròn hay bầu. Chùm Hoa hình chùy mọc đầu cành, màu trắng hồng, mẫu 5-6,
Công dụng	Cây cho gỗ nhỏ, làm cây cảnh vì có Hoa đẹp
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 482, Nxb Nông Nghiệp, 2002

2. BẦU NÂU

Tên phổ thông loài: Trái mắm, bầu nâu, Quách

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Aegle marmelos* (L.) Corr. ex Roxb.

Họ: Rutaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

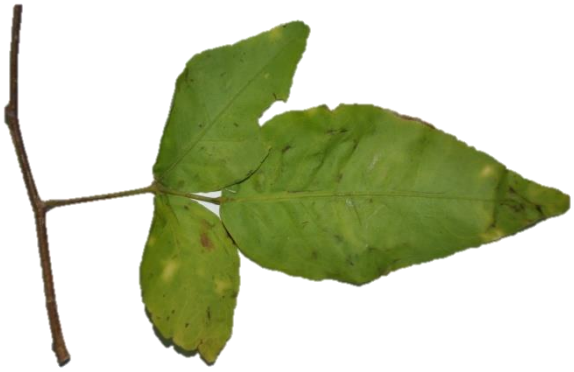

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Quả

Quả chín

<table>
<tr><td> </td><td> </td></tr>
<tr><td colspan="2">Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài
Cây gỗ có gai nhọn, vỏ xám trắng, thịt vỏ vàng nhiều lớp mỏng.
Vò lá có mùi thơm cam chanh.
Lá kép 3, cuống phình 2 đầu, dài hơn 3cm, mép lá có răng cưa.
Quả hình cầu nhiều múi, thịt quả vàng, vỏ quả xanh nhẵn cứng.</td></tr>
<tr><td>Đặc điểm sinh học và sinh thái</td><td>Rừng khộp thưa Ea Bung – Ea Sup (Đăk Lăk). Ưa sáng, có mùa khô hạn kéo dài, ngược lại sẽ không ra quả. Mọc trên đất thoát nước tốt, các ụ mối trong rừng ngập nước mùa mưa.</td></tr>
<tr><td>Đặc điểm hình thái</td><td>Cây gỗ nhỏ cao đến 10m, vỏ xám trắng. Lá kép 3, mọc cách, cuống chính và cuống lá phụ giữa dài gần bằng 3cm, 2 lá bên mọc sát, phiến lá xanh nhẵn, mép có răng cưa tù. Hoa trắng thơm, mọc thành chùm ở nách lá. Quả hình cầu, vỏ dày xanh nhẵn, nhiều múi, mỗi múi 6-10 hạt, nhiều nhựa thơm. Hạt có lông trắng dày, khoảng 5mm.</td></tr>
<tr><td>Công dụng</td><td>Quả chín thơm, ăn được. Cây cho gỗ nhỏ.</td></tr>
<tr><td>Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006</td><td>Không</td></tr>
<tr><td>Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP</td><td>Không</td></tr>
<tr><td>Thuộc nhóm gỗ</td><td>Chưa phân loại</td></tr>
<tr><td>Tài liệu tra cứu</td><td>Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 437, Nxb Trẻ, 1999</td></tr>
</table>

3. BÌNH LINH

Tên phổ thông loài: Bình linh lá 5 lá chét **Tên địa phương loài:** **Tên khoa học:** *Vitex quinata* (Lour.) Williams. **Họ:** Verbenaceae **Bộ:** Lamiales	
Hình ảnh nhận dạng loài	
Lá 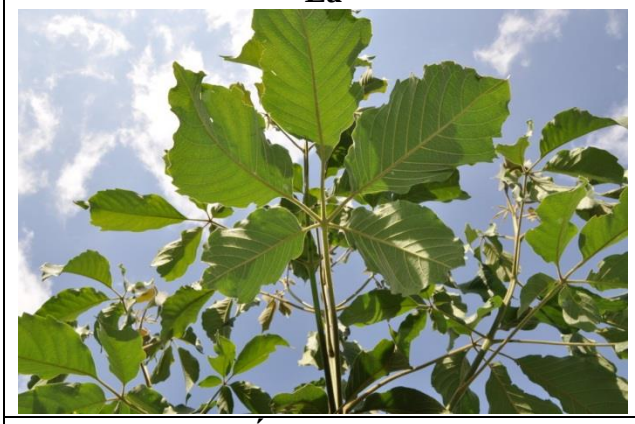	**Cành**
Gốc, bạnh cây 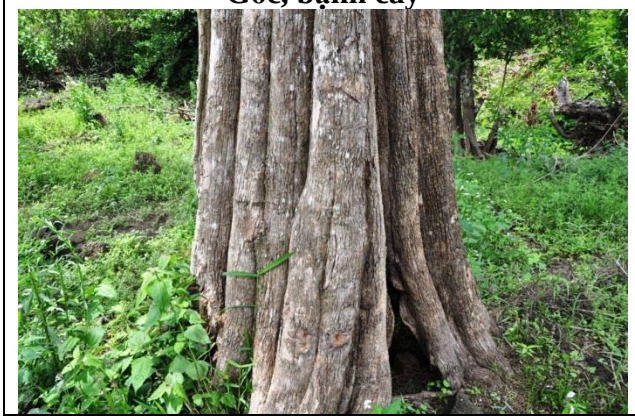	**Vỏ, giác gỗ**

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, gốc thường múi, vỏ Thân màu xám, bong mảnh, mỏng, vết đẽo vỏ vàng nhạt sau sậm lại. **Lá** kép chân vịt với 5 lá chét, mọc đối, cành non vuông cạnh, cành lá có lông mịn.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây sống nơi ven rừng, rừng thưa, ưa sáng, ưa đất sét pha cát, ẩm có nhiều mùn.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình đến lớn, vỏ xám nâu, bong mảnh, cành non vuông cạnh. **Lá** kép chân vịt, mọc đối, có 5 lá chét. Mép lá cây tái sinh có răng cưa.
Công dụng	Cây cho gỗ tốt, giác lõi không phân biệt có màu vàng nhạt, gỗ dùng trong xây dựng, ít bị mối mọt.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	III
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 718, Nxb Nông Nghiệp, 2002

4. BỒ KẾT

Tên phổ thông loài: Bồ kết, chùm kết

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Gleidisia autralis* Hemsl. ex Forb. & Hemsl.

Họ: Caesalpiniaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây gỗ với cành có nhiều gai chia nhánh, chạc 3. Lá kép lông chim 2 lần chẵn, lá chét phiến lệch, mép có răng cưa thấp. Quả đậu dẹt, mỏng chứa 10-12 hạt.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây chủ yếu mọc ở rừng thưa bán thường xanh. Tây nguyên đến Nam bộ.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, Thân không tròn, dáng thấp, vỏ xám. Cành có nhiều gai chia nhánh, chạc 3. Lá kép lông chim 2 lần chẵn, 3-4 cặp lá thứ diệp, 4-8 cặp lá chét phiến lệch 0,8x2cm, mép có răng cưa thấp. Quả đậu dẹt, mỏng chứa 10-12 hạt.
Công dụng	Quả dùng gội đầu. Gai và vỏ làm thuốc chữa tiêu thũng, giảm sưng.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ	Không
Phân cấp theo nghị định Việt Nam	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 838, Nxb Trẻ, 1999

5. BỒ KẾT RỪNG

Tên phổ thông loài: Keo gai Harmand, Bồ kết

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Acacia harmandiana* (Pierre.) Gagn.

Họ: Mimosaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

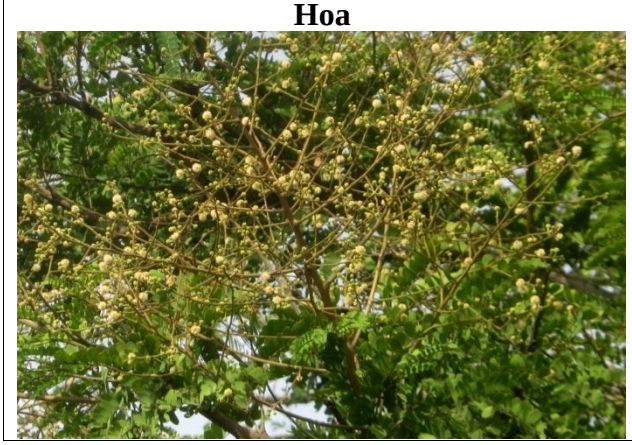

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ màu xám xanh. Cành có nhiều gai nhọn, từng cặp nơi đính lá. **Lá** kép lông chim 2 lần chẵn, 3-4 đôi cuống thứ cấp. **Hoa** cụm hình đầu trên một chùm lớn ở đầu cành. **Quả** đậu dẹp, cong xoắn.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, cây sinh trưởng nhanh. Phân bố rải rác trong rừng khộp.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ cao 15-30m, Thân tròn thẳng, tán Lá lệch, vỏ màu xám xanh, bong mảnh nhỏ, giác vàng, Cành có nhiều gai nhọn dài 2-3cm, trên các Cành già cũng nhiều gai. **Lá** kép lông chim 2 lần chẵn, 3-4 đôi cuống thứ cấp, 8-11 cặp Lá nhỏ mỗi cuống. **Hoa** mọc thành chùm ở đầu cành. **Quả** đậu dẹt cong xoắn.
Công dụng	Gỗ trắng, dùng đóng đồ đạc thông thường. Cây có thể trồng làm hàng rào.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 824, Nxb Trẻ, 1999

6. BỜI LỜI NHỚT

Tên phổ thông loài: Bời lời nhớt

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Litsea glutinosa* (Lour.) Roxb.

Họ: Lauraceae

Bộ: Laurales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân, cành

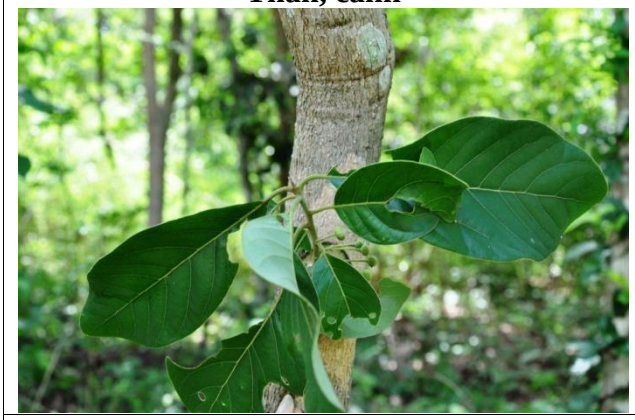

Cành

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây Thân gỗ, vỏ Thân màu xám, thịt vỏ màu vàng nhạt, có nhiều nhựa dính. Vò lá hay vết vạc vỏ có mùi thơm đặc trưng. **Lá** tròn hơi thon ngược hay hình xoan, phủ lông thưa màu vàng, mịn. **Quả** hình cầu có đế mập, chín màu đen tím.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhanh, ưa đất sét pha cát, ẩm.
Đặc điểm hình thái	Cây Thân gỗ trung bình, vỏ Thân màu xám, thịt vỏ màu vàng nhạt, có nhiều nhựa dính. **Lá** tròn hơi thon ngược hay hình xoan, phủ lông thưa màu vàng, mịn. **Quả** hình cầu có đế mập, chín màu đen tím.
Công dụng	Vỏdùng làm chất kết dính công nghiệp, làm nhang. Gỗ làm đồ đạc gia đình, ít mối mọt. Vỏ rễ dùng làm thuốc.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 117, Nxb Nông Nghiệp, 2002

7. BỨA

Tên phổ thông loài: Bứa

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Garcinia cambogia*

Họ: Clusiaceae

Bộ: Theales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

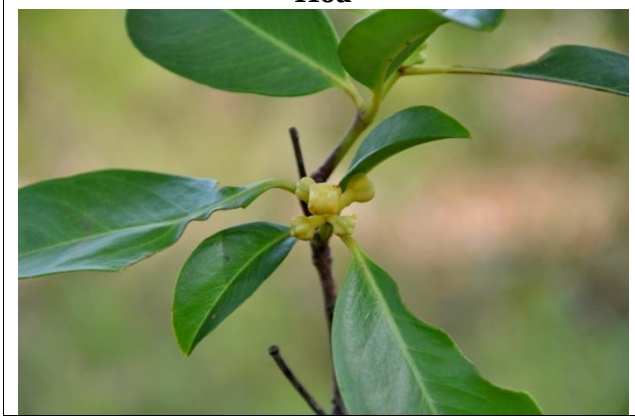

Nhựa mủ

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ Thân màu nâu đỏ đến nâu đen, bong mảnh, nứt dọc, vết nứt hay chỗ đẽo vỏ chảy nhựa mủ vàng, cành mọc ngang.

Lá đơn mọc đối mặt lá bóng, giống lá trâm vối *Syzygium cuminii.*

Quả có khía, chín màu vàng, vòi nhụy tồn tại thành núm ở đầu quả.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Mọc hỗn giao rải rác với các loài cây rừng khộp, chịu được khô hạn.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình, vỏ Thân màu nâu đỏ đến nâu đen, bong mảnh, nứt dọc. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá hình bầu dục hay thuôn nhọn, mặt lá bóng, dài 10-12cm. Quả chín mọng, màu vàng cam, có khía, trong có 4-6 hạt.
Công dụng	Gỗ nhỏ dùng đóng đồ đạc, làm trụ. **Lá** có vị chua làm rau ăn. Quả chua ngọt ăn được.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. , Nxb Trẻ, 1999

8. CÀ CHÍT

Tên phổ thông loài: Cà chắc, cà chít

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Shorea obtusa* Wall.

Họ: Dipterocarparceae

Bộ: Malvaceae

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Nhựa mủ	

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Vỏ bong nứt nhiều, có nhựa chai cục màu trắng ngà đến nâu vàng quanh vỏ.

Lá đơn mọc cách, màu xanh nhạt, gân lá nổi rõ mặt dưới tạo vết lõm mặt trên.

Quả có đài 5 cánh tồn tại 3 cánh dài, 2 cánh ngắn, khi chín màu vàng rơm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhiều trong rừng khộp, có nơi mọc gần như thuần loài. Chịu được lửa rừng, tái sinh chồi mạnh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, Thân thẳng, đường kính lớn đến 90cm. Vỏ màu xám trắng đến nâu đen, nứt dọc sâu, hơi vặn, bong vảy. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá có gốc tù hay thon tròn, lá kèm nhỏ có lông. Cụm Hoa hình chùm nhiều nhánh. **Hoa** vàng, thơm, không cuống. Cánh đài 5, ngoài có lông, trong nhẵn. **Quả** hình trái xoan có 5 cánh đài tồn tại với 3 cánh dài và 2 cánh ngắn.
Công dụng	Gỗ không bị mối mọt dùng xây dựng, đóng tàu. Cây cho nhựa, chai cục.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	III
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 323, Nxb Nông Nghiệp, 2002

9. CÀ GIAM CHUỒN

Tên phổ thông loài: Cà giam chuồn

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Mitragyne diversifolia* (G. Don) Havil.

Họ: Rubiaceae

Bộ: Gentianales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Gỗ

Hoa

	Quả 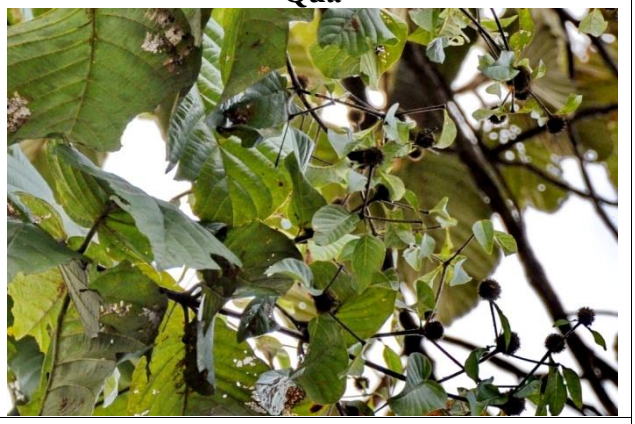
Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây gỗ lớn, **vỏ** Thân nhẵn màu xám đôi khi có nâu đỏ, thịt vỏ dày màu hồng. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá hình trứng hay bầu dục tròn, đầu lá tròn, mặt lá bóng, đôi lá kèm dài 1-1,5cm. **Cụm Hoa** hình đầu. **Quả** nang trên cụm hình cầu đường kính 2cm.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thưa cây họ dầu đến bán thường xanh, ưa sáng, ưa ẩm nhưng chịu hạn.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ Thân nhẵn màu xám đôi khi có nâu đỏ, thịt vỏ dày màu hồng, cành non vuông cạnh. Lá đơn mọc đối, phiến lá hình trứng hay bầu dục tròn, đầu lá tròn, mặt lá bóng, gân bên 9-10, dài 17-20cm, rộng 12-16cm, đôi lá kèm dài 1-1,5cm. Cụm Hoa hình đầu. Quả nang trên cụm hình cầu đường kính 2cm.
Công dụng	Gỗ màu nâu đỏ đóng đồ đạc, xẻ ván làm nhà.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 667, Nxb Nông Nghiệp, 2002

10. CÁM

Tên phổ thông loài: Cám

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Parinari annamensis* Hance.

Họ: Chrysobalanaceae

Bộ: Rosales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Dáng cây	Gốc, bạnh cây

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có lớp vỏ ngoài xám vàng nứt dọc sâu, bong mảnh, xốp mềm dễ bóp vụn, thịt vỏ bên trong dày màu nâu hồng, giác vàng nhạt.

Lá đơn mọc cách, hình bầu dục, mặt dưới có lông trắng mốc, mặt trên nhẵn.

Quả hạch hình trứng, kích thước 3x4cm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây sống ở rừng thưa rụng lá đến thường xanh, độ cao dưới 800m. Cây ưa đất cát hay lẫn đá, ẩm. Tái sinh hạt tốt.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ Thân thẳng cao15-30m, đường kính 30-60cm, phân Cành sớm. Vỏ ngoài nâu xám, nứt dọc sâu, bong thành mảnh. Tán Lá rậm có màu màu trắng mốc phía dưới. Lá đơn mọc cách, hình bầu dục, mặt dưới có lông trắng mốc, mặt trên nhẵn, dài 8cm, rộng 4-5cm. Quả hạch hình trứng, kích thước 3x4cm.
Công dụng	Gỗ vàng ngả màu nâu sáng hơi hồng, gỗ nặng, hơi cứng, khó làm và dễ nứt. Dùng để làm các đồ dùng trong nhà, xây dựng nhà. Quả ăn được.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 452, Nxb Nông Nghiệp, 2002

11. CẨM LAI BÀ RỊA

Tên phổ thông loài: Cẩm lai Bà rịa

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dalbergia bariaensis* Pierre, *D. oliver* Gamble ex Prain

Họ: Fabaceace

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Gỗ

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ màu xám, có mảng màu đốm trắng hay vàng xen kẽ, thấy có một lớp màu xanh mỏng khi vạc vỏ ngoài, thịt vỏ màu vàng nhạt, nhanh hóa màu nâu sậm. **Lá** kép lông chim một lần lẻ, lá chét mọc cách, đầu lá nhọn hay tù. **Quả** đậu dẹt, 5-6cm, 1-2 hạt.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, nhỏ chịu bóng, sinh trưởng chậm. Cây thường mọc ven suối.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ xám, gỗ giác màu vàng nhạt, lõi màu đỏ sậm, có vân màu tím đen. **Lá** kép lông chim 1 lần lẻ dài 15-20cm. Hoa nhỏ, quả đậu dẹt, mang 1-2 hạt lồi, mặt quả nhẵn.
Công dụng	Cây cho gỗ tốt, rất cứng nặng không bị mối mọt, dùng làm đồ mỹ nghệ, trang trí, tiện khắc.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	EN
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	IIA
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 509, Nxb Nông Nghiệp, 2002

12. CẨM LAI ĐEN

Tên phổ thông loài: Cẩm lai đen

Tên địa phương loài: Tràm

Tên khoa học: *Dalbergia nigrecens* Kurz

Họ: Fabaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

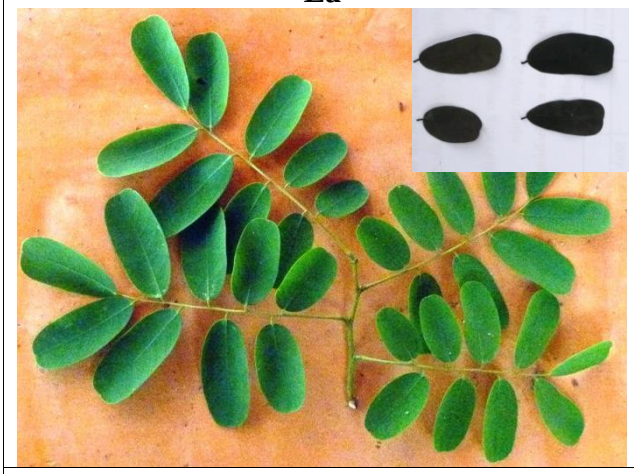

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Thân thường có múi (sóng).

Lá kép lông chim 1 lần lẻ, các lá chét hình trái xoan, đầu lá tròn hoặc hơi lõm, khi rụng có màu đen.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thưa với các cây họ dầu và rừng bán thường xanh. Cây sinh trưởng nhanh giai đoạn đầu.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ Thân có nhiều mảng mang 3 màu sắc khác nhau: trắng, xám, nâu; vết vạc vỏ mầu vàng, sau hóa nâu vàng, giác màu trắng. **Lá** kép lông chim 1 lần lẻ mang từ 9-11 lá chét nhỏ bằng đầu ngón tay, đầu lá lõm. Cụm Hoa hình chùy mọc ở kẽ lá đầu cành, Hoa nhỏ (2-4mm) và có màu trắng phớt tím. **Quả** đậu mỏng, khi non màu xanh khi chín chuyển màu xanh đen, 2x4cm, có 1- 2 hạt.
Công dụng	Gỗ hơi mềm, không phân biệt giác lõi dùng đóng đồ đạc thong thường. **Lá** dùng nhuộm đen.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 512, Nxb Nông Nghiệp, 2002

13. CẨM LIÊN

Tên phổ thông loài: Cẩm liên

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Shorea siamensis* Miq.

Họ: Dipterocarpaceae

Bộ: Malvaceae

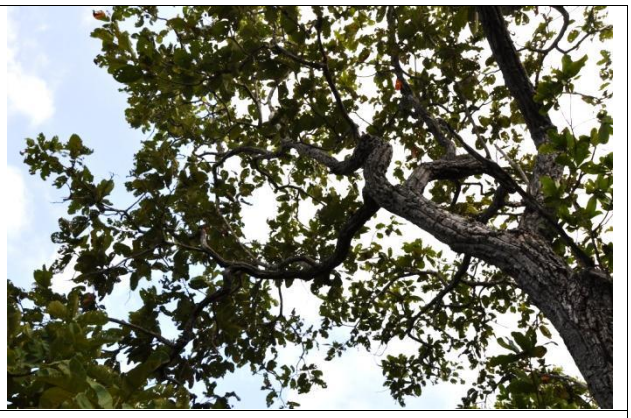

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Lá hình trái xoan, gốc lá thường hình tim. Đôi lá kèm hình tim.

Quả hình trứng nhọn, có 5 cánh, 2 cánh ngắn 6-7cm và 3 cánh dài 9-10cm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc trong rừng thưa - rừng khộp mọc thuần loài hay hỗn giao, chịu được đất khô cằn, lửa rừng, có thể mọc nơi nhiều đá.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ Thân màu xám đen, nứt dọc sâu, thịt vỏ màu nâu. **Lá** đơn mọc cách, hình trái xoan, gốc lá thường hình tim, dài 11-22cm, rộng 7-16cm, mặt trên sáng và trơn nhẵn. Gân bên nổi rõ ở mặt dưới, đôi khi có lông dày. Cuống lá dài 2-4cm. Đôi lá kèm hình tim thấy rõ. **Quả** hình trứng nhọn, dài 16mm, có 5 cánh, 2 cánh ngắn 6-7cm và 3 cánh dài 9-10cm.
Công dụng	Gỗ rất cứng nặng và rất bền được dùng trong công trình xây dựng lâu bền, làm nhà, đồ mỹ nghệ.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 324, Nxb Nông Nghiệp, 2002

14. CĂM XE

Tên phổ thông loài: Căm xe

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Xylia xylocarpa* (Roxb.) Taubert

Họ: Mimosaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả
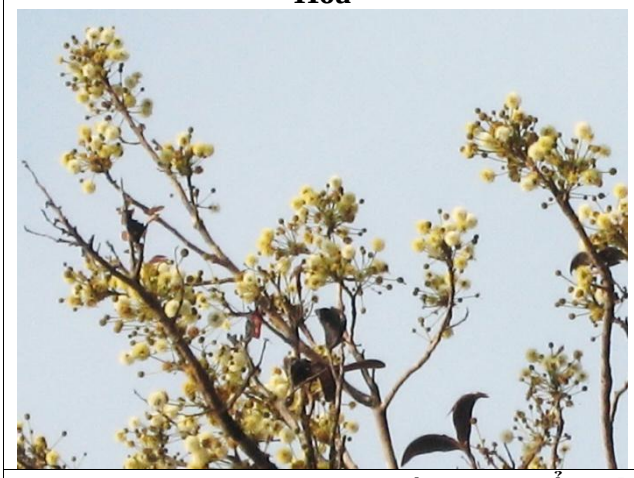	

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ bong vảy có màu gỉ sắt.

Lá kép lông chim 2 lần chẵn, có 1 đôi cuống phụ mang 6-8 lá chét trên mỗi cuống.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Chịu khô hạn, sống cùng các loài cây trong rừng khộp như dầu đồng, cà chít, chiêu liêu đen, chiêu liêu ổi.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ bong vảy đến bong mảng và có màu gỉ sắt. **Lá** kép lông chim 2 lần chẵn, có 1 đôi cuống lá cấp 2 mang 6-8 lá chét. **Hoa** nhỏ màu vàng nhạt, hợp thành cụm Hoa hình đầu đường kính 12-20 mm, nhị 10, bầu phủ lông ngắn. **Quả** đậu hình rìu hoá gỗ cứng.
Công dụng	Gỗ tốt không bị mối mọt, dùng đóng đồ đạc gia dụng, tàu biển, tà vẹt và xây dựng.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	II
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 533, Nxb Nông Nghiệp, 2002

15. CHÂY XIÊM, MÀ CA

Tên phổ thông loài: Chây xiêm, Mà ca

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Buchanania siamensis* Miq.

Họ: Anacardiaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ có vỏ Thân nâu đen, nứt nẻ, bong mảnh hình đa giác, thịt vỏ nhiều lớp màu đỏ trắng xen kẽ, giác trắng. Lá đơn mọc chụm đầu cành, phiến lá hình xoan nhỏ, lõm mặt trên, cứng dày. Quả hạch hình thận, đầu eo lõm, chín màu nâu đỏ.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng khộp. Chịu khô hạn tốt.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, cao đến 10m, vỏ xám, bong nứt nhiều mảnh nhỏ, cành lá non hay cây tái sinh có lông hung. Lá đơn mọc cách, mọc chụm đầu cành, phiến lá nhỏ hình xoan, đầu tròn, nhẵn và lõm mặt trên, dài 4-6cm. Hoa nhỏ, màu trắng, mọc cụm. Quả hạch hình thận, to vào 1-2cm, đầu có eo lõm, chín màu nâu đỏ.
Công dụng	Gỗ nhỏ nhưng bền, khó mối mọt, dùng đóng đồ đạc, cột trụ tốt. Rễ cây dùng làm nguyên liệu chế thuốc chống nứt nẻ.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 365, Nxb Trẻ, 1999

16. CHẸO RĂNG

<table>
<tr><td>Tên phổ thông loài: Chẹo răng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: Engelhardtia serrata Bl. var. cambodia Mann.

Họ: Juglandaceae

Bộ: Juglandales</td><td>Hình ảnh cả cây</td></tr>
<tr><td colspan="2">Hình ảnh nhận dạng loài</td></tr>
<tr><td>Lá
 </td><td>Cành
 </td></tr>
<tr><td>Quả
 </td><td>Vỏ, giác gỗ
 </td></tr>
</table>

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ xám nâu, nứt dọc, bong mảnh, thịt vỏ nâu vàng đến nâu đỏ. **Lá** kép lông chim mọc cách, có nhiều lông và răng cưa ở mép lá, ở nách lá có chồi kép, cuống lá chét rất ngắn. **Quả** nằm trên lá bắc 3 thùy, thùy giữa dài, 2 bên ngắn.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa đất ẩm, ưa sáng. Mọc trong rừng khộp đến bán thường xanh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, phân cành nhiều, Thân nứt dọc, bong mảnh. Lá kép lông chim mọc cách, có nhiều lông và răng cưa ở mép lá, ở nách lá có chồi kép, cuống lá chét rất ngắn. Quả nằm trên lá bắc 3 thùy, thùy giữa dài, 2 bên ngắn.
Công dụng	Gỗ dùng trong xây dựng, ván đóng thuyền, đồ đạc gia đình.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 180, Nxb Nông Nghiệp, 2002

17. CHIÊU LIÊU ĐEN

Tên phổ thông loài: Chiêu liêu đen, chiêu liêu khế

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Terminalia alata* Heyne ex Roxb.

Họ: Combretaceae

Bộ: Myrtales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ Thân màu nâu đen, nứt dọc sâu và bong mảnh. Thịt vỏ nâu đỏ.

Lá đơn mọc đối, phiến Lá hình bầu dục, gốc lá lệch. Hai mặt Lá nhẵn, mặt dưới gần cuống Lá có 1-2 tuyến hình mắt cua.

Quả khô có 5 cánh mỏng, giống Quả khế.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, chịu được những nơi đất xấu khô cằn, nơi tầng đất dày tốt thì cây có thể cao trên 30m, đường kính 1,5-2 m.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ, vỏ Thân màu đen, nứt dọc sâu. **Lá** đơn mọc đối, phiến Lá hình bầu dục, dài 7-20cm, rộng 4-10cm, 2 mặt Lá nhẵn, có 14-15 đôi gân bên, mặt dưới gần cuống Lá có 1-2 tuyến hình mắt cua, cuống Lá dài 1cm gốc Lá thường lệch. **Hoa** nhiều hợp thành bông, dài 4-17cm, cánh đài hình chuông. **Quả** khô có 5 cạnh màu nâu cánh gián, cao 4-6cm.
Công dụng	Gỗ lõi đen khá nặng, mịn sử dụng rộng rãi trong xây dựng, làm tà vẹt, cột. Vỏ có thể lấy tanin và chất nhuộm màu đỏ.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 475, Nxb Nông Nghiệp, 2002

18. CHIÊU LIÊU KHA TỬ

Tên phổ thông loài: Chiêu liêu kha tử, chiêu liêu xanh

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Terminalia chebula* Retz.

Họ: Combretaceae

Bộ: Myrtales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

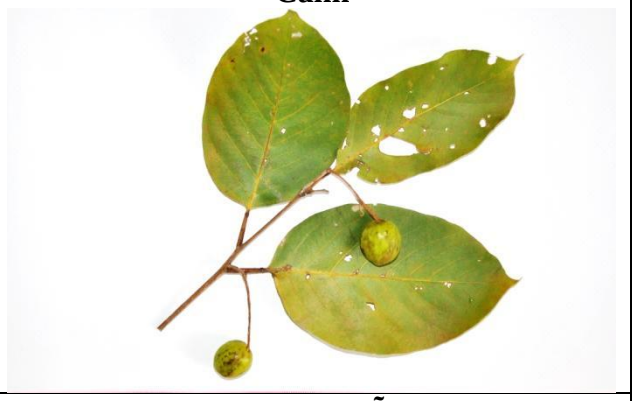

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

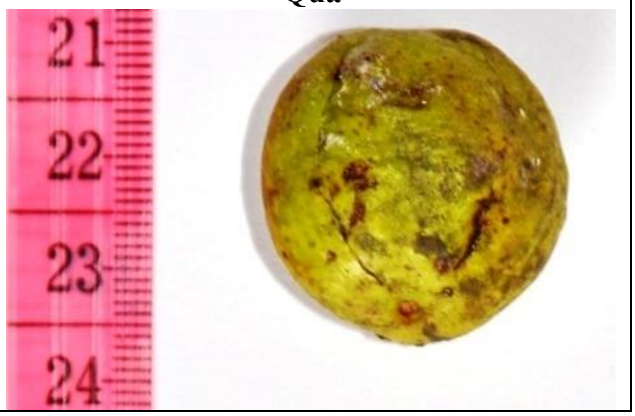

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Vỏ Thân màu xám nhạt, thịt vỏ có nhiều lớp đỏ và nâu nhạt xen kẽ, lớp trong màu vàng nhạt. **Lá** đơn nguyên mọc đối hoặc gần đối, phiến Lá dày, hình trứng ngược, có lông mịn màu nâu vàng, cuống Lá có 2 tuyến hình chấm. Lá hơi giống chiêu liêu ổi. **Quả** hạch hình trứng, dài 3-4 cm, có 5 gờ nông dọc.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhanh phân bố trong rừng chuyển tiếp tới rừng khộp, chịu hạn.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ rụng Lá mùa khô. Vỏ Thân màu xám nhạt, nứt nhẹ. **Lá** đơn nguyên mọc đối hoặc gần đối, phiến Lá dày, hình trứng ngược, dài 10-20cm, rộng 5-10cm. Cuống Lá dài 1-5 cm có 2 tuyến hình chấm không rõ ở đầu. Cụm Hoa chùm bông nhiều Hoa ở các kẽ Lá, cuống chung dài 5-10 cm, có lông. **Hoa** lưỡng tính, màu vàng nhạt. **Quả** hạch hình trứng, dài 3-4 cm, màu xanh nhạt, có 5 gờ nông dọc.
Công dụng	Gỗ cứng, thớ mịn, gỗ tốt, dùng đóng đồ đạc gia đình, làm nhà, tàu thuyền…
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	III
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 477, Nxb Nông Nghiệp, 2002

19. CHIÊU LIÊU NGHỆ

Tên phổ thông loài: Chiêu liêu nghệ

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Terminalia triptera* Stapf. (*T. nigrovenulosa* Pierre ex Gagnep.*)*

Họ: Combretaceaceae

Bộ: Myrtaceae

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

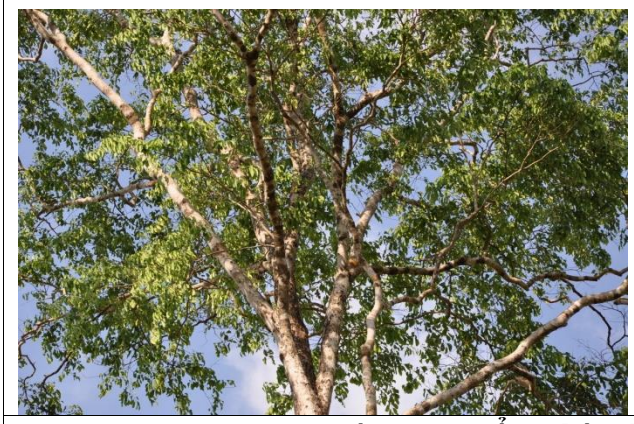	**Quả**
Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài Cây gỗ có vỏ màu xám, thịt vỏ màu vàng nghệ và có nhựa dính. ***Cành*** non có lông màu đỏ hung. **Lá** đơn mọc đối, đầu lá nhọn, gốc lá tròn hoặc tù, mép lá phía gốc có 2 tuyến. **Quả** khô có 3 cánh mỏng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Ưa đất bazan vàng đỏ, feralit trong rừng bán thường xanh hay tiếp giáp với rừng khộp cây họ dầu.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 20-25m, cành nhánh phân nhiều tầng, vỏ Thân màu xám nhạt có nhiều kHoang màu trắng đen và nhiều gai ở đoạn ngang ngực. ***Cành*** non có lông màu đỏ hung, lá đơn mọc đối, đầu lá nhọn, gốc lá tròn hoặc tù, dài 5-10cm, rộng 3-4cm. Có 2 tuyến ở mép lá cách gốc lá 1-1,2cm. **Hoa** chùm hình chuỳ mang nhiều Hoa nhỏ. **Quả** có 3 cánh mỏng.
Công dụng	**Gỗ** giác vàng nhạt, lõi nâu, dùng đóng đồ đạc, xây dựng. **Vỏ** có nhiều tanin dùng làm thuốc chữa bệnh, nhuộm.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 479, Nxb Nông Nghiệp, 2002

20. CHIÊU LIÊU NƯỚC

Tên phổ thông loài: Chiêu liêu nước

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Terminalia calamansanai* (Bl.) Rolfe.

Họ: Combretaceae

Bộ: Myrtaceae

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

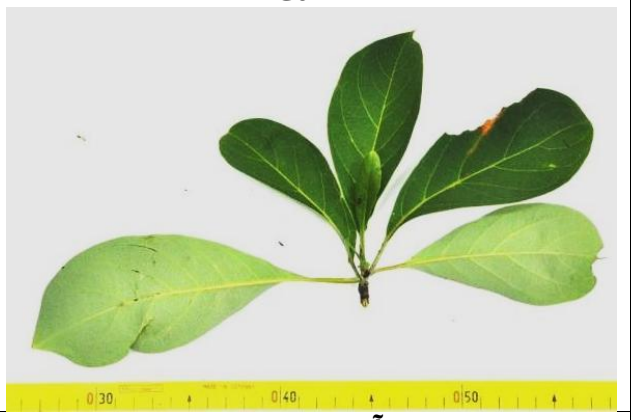

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ cao, Thân thẳng, ngoài giác màu vàng nghệ, thịt vỏ màu nâu đỏ, vỏ bong nhiều mảnh. Cành nhiều, phân nhiều tầng tán. **Lá** mọc chụm đầu cành, hình trứng ngược, gốc thuôn dần, đầu tròn, mặt dưới có phấn trắng phủ hơi mốc mốc, mặt trên xanh láng đậm hơn mặt dưới. **Quả** khô có 2 cánh hợp góc vuông.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Sống trong rừng thưa, bình nguyên cùng với các cây họ dầu, ưa sáng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ cao, Thân thẳng, vỏ giác màu vàng nghệ, thịt vỏ màu đỏ, vỏ bong nhiều mảnh. Cành nhiều mọc ngang, phân nhiều tầng tán, lá mọc chụm đầu cành, hình trứng ngược, gốc nhọn dần, đầu tròn, mặt dưới có phấn trắng phủ hơi mốc mốc, mặt trên xanh láng đậm hơn mặt dưới, dài10-15cm, 4-6 cặp gân. Dực quả với 2 cánh.
Công dụng	Gỗ thẳng, làm nhà, xây dựng. Vỏ có nhiều tanin chữa đau bụng …
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 476, Nxb Nông Nghiệp, 2002

21. CHIÊU LIÊU ỔI

Tên phổ thông loài: Chiêu liêu ổi

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Terminalia corticosa* Pierre ex Lanessan.

Họ: Combretaceae

Bộ: Myrtaceae

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây Thân gỗ, vỏ xám trắng, bong nhiều mảng loang lỗ, trơn nhẵn trông như vỏ ổi. **Lá** mọc đối hoặc gần đối, hình bầu dục hơi tròn, có nhiều lông mịn, có 2 tuyến hình chén trên cuống lá. **Quả** tròn dẹt, mép Quả có cánh, màu hung đỏ.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, chịu được khô hạn, sống trong rừng khộp hay rừng chuyển tiếp.
Đặc điểm hình thái	Cây Thân gỗ lớn, vỏ bong nhiều mảng, màu trắng hồng xen kẽ nâu hồng trông như vỏ ổi, **Lá** đơn nguyên mọc đối, đôi khi gần đối, hình bầu dục dài 7-15cm, rộng 8-10cm, đầu tù, gốc Lá gần tròn, có nhiều. **Quả** tròn dẹt, không cuống, đường kính 2-2,5cm, mép Quả có cánh, khô xác, có phủ lông màu hung đỏ. Hạt phình lên.
Công dụng	Gỗ nặng, thớ mịn, dễ gia công, dùng đóng tàu thuyền, làm cầu, tà vẹt, trục xe.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 478, Nxb Nông Nghiệp, 2002

22. CÓC CHUỘT

Tên phổ thông loài: Cóc chuột

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Lannea coromandelica* (Houtt.) Merr.

Họ: Anacardiaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Vỏ, giác gỗ

Vỏ Thân	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có lá kép lông chim lẻ, mọc cách dài 30-40cm, 4-6 cặp lá chét mọc đối, gốc lá lệch, đầu lá có đuôi nhọn.

Vỏ Thân màu xám nhẵn hay có vết nứt nhẹ hơi vặn, thịt vỏ màu nâu hồng.

Quả thành cụm, bầu dục, nhỏ, chín màu đỏ, mùi thơm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhiều nơi, rừng thưa, rừng thứ sinh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ Thân xám hơi nhẵn, cành non có nhiều lỗ bì. **Lá** kép lông chim lẻ, mọc cách, dài 30-40cm, mang 4-6 cặp lá chét mọc đối. **Hoa** nhỏ mọc cụm đầu cành. **Quả** chín màu đỏ.
Công dụng	**Gỗ** dùng xây dựng và đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 599, Nxb Nông Nghiệp, 2002

23. CÓC RỪNG

Tên phổ thông loài: Cóc rừng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Spondias pinnata* (L.) F. Kurz.

Họ: Anacardiaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

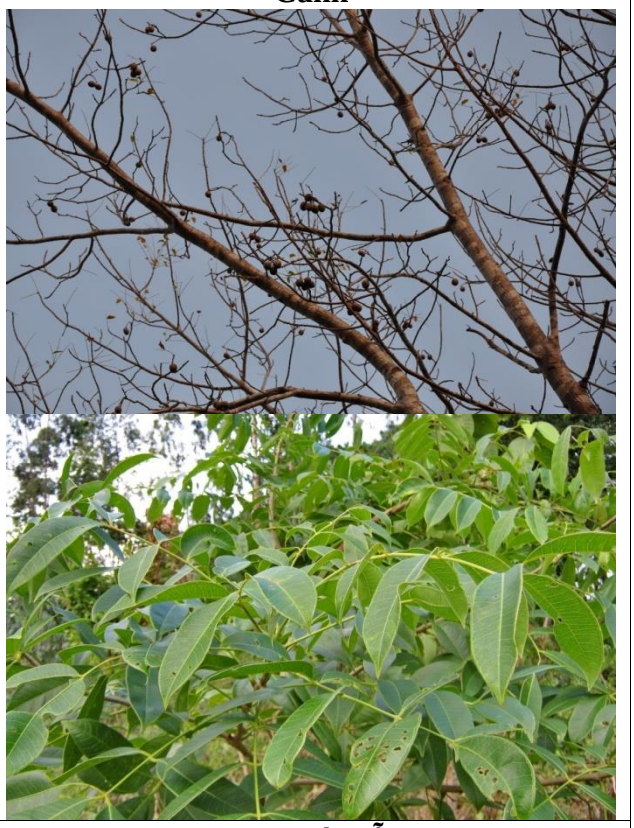

Thân

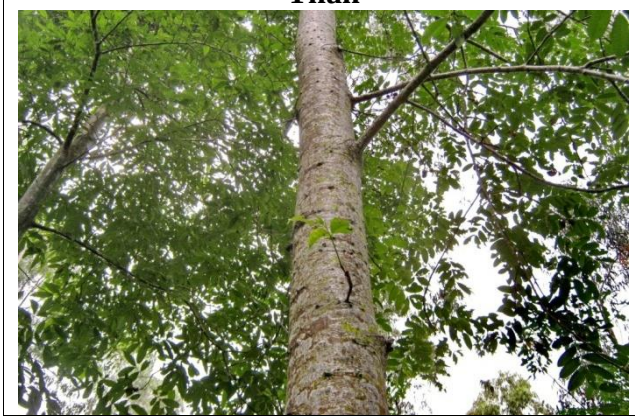

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ Thân dày, nâu xám nhẵn đôi khi có ít gai, thịt vỏ màu hồng, giác hồng.
Vò lá có mùi thơm như lá xoài, vị chua.
Lá kép lông chim lẻ, lá chét hình xoan đầu có mũi nhọn có gân bên hợp nhau ở mép lá.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Ven suối rừng khộp đến bán thường xanh hay ven các rừng thưa thường xanh. Cây ưa sáng, mọc nhanh, chịu đất khô hạn và lửa rừng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình, Thân thẳng, vỏ Thân xám nhẵn, cành tán lá thưa. **Lá** kép lông chim lẻ, dài 20-30cm, có 4-5 cặp lá chét, mép lá chét nguyên, gân rõ, phiến lá nhẵn, đầu có mũi nhọn. **Hoa** cụm hình chùy gần đầu cành, Hoa nhỏ, bầu trên, nhẵn. **Quả** hạch hình trứng, vỏ láng màu vàng xanh, to 3x4cm. ***Hạt*** có vỏ nhiều gai, xơ, bên trong có 2-3 hạt.
Công dụng	**Gỗ** mềm nhẹ, kém chịu mối mục. **Lá** nấu canh chua, quả chín ăn được, vỏ đắng.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 606, Nxb Nông Nghiệp, 2002

24. CÔM

Tên phổ thông loài: Côm

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Elaeocacpus macroceras* (Turcz) Merr.

Họ: Elaeocacpaceae

Bộ: Malvaceae

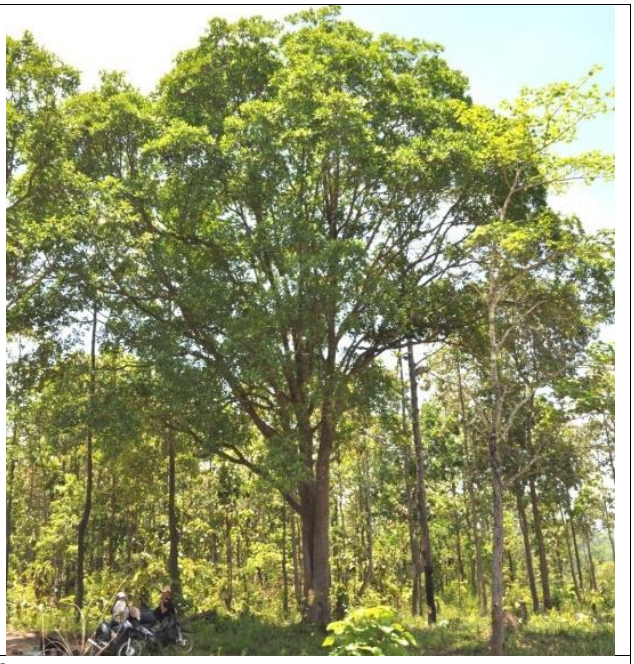

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Vỏ, giác gỗ

Hoa

	Quả 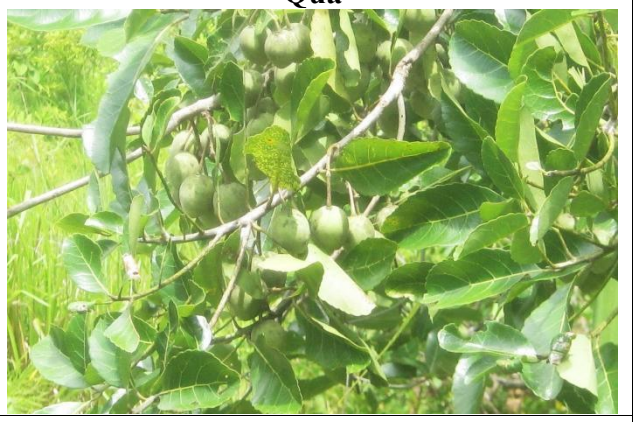

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ gốc thường có bạnh. Vỏ màu xám tro.

Lá đơn mọc cách, chụp đầu cành, rìa mép có răng cưa tù, thưa, phiến lá hình trái xoan, khi già rụng có màu đỏ.

Quả có nhân cứng, bề mặt hạt lồi lõm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa ẩm, mọc nơi rừng thưa ven sông suối.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, gốc thường có bạnh, lá đơn mọc cách, tụ đầu cành, rìa mép có răng cưa tù, thưa, phiến lá hình trái xoan, dài 7-15cm, rộng 3-5cm, khi già rụng có màu đỏ. Cụm hoa mọc gần đầu cành chỗ lá đã rụng dài 6-10cm, kích thước nhỏ.
Công dụng	Gỗ xẻ ván, dùng trong xây dựng nhà cửa, cây có tán rậm, cho bóng mát.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 472, Nxb Trẻ, 1999

25. DÀNH DÀNH

Tên phổ thông loài: Dành dành lá tà

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Gardenia obtusifolia* Roxb. Ex Hook. F.

Họ: Rubiaceae

Bộ: Gentianales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân cành

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ Thân xám trắng, không nứt, thịt vỏ và giác gỗ màu vàng nhạt. **Lá** đơn mọc đối tập trung ở đầu cành, phiến lá bóng dầu ở cả 2 mặt, hình thon ngược, đầu lá tròn, cuống rất ngắn. Cành lá giống cây đào lộn hột. **Hoa** màu vàng. **Quả** thịt tròn xám tròn 3cm, có đài tồn tại ở đầu quả.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng khộp đến rừng thưa bán thường xanh. Cây chịu hạn
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ cao 2-6m, cành dày, vỏ Thân xám trắng, không nứt. **Lá** đơn mọc đối tập trung ở đầu cành, phiến lá bóng 2 mặt, cuống rất ngắn, dài 12cm, 12-15 cặp gân lá. **Hoa** mọc ở ngọn, 1-3, lá đài cao 3-4mm, vành hình ống dài 4-5cm, tai dài 2,5cm. **Quả** tròn 3cm, đầu cành. Hạt nhiều dài 5-6mm.
Công dụng	Gỗ nhỏ nhưng cứng bền, đóng đồ đạc, cọc trụ.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 3, tr. 164, Nxb Trẻ, 1999

26. DẦU ĐỒNG

Tên phổ thông loài: Dầu đồng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dipterocarpus tuberculatus* Roxb.

Họ: Dipterocarpaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, Nhựa mủ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Phân cành sớm, cành rất to và thường tạo tán rộng.

Lá rất to, mặt trên bóng, mặt dưới xanh nhạt và cuống có lông, gốc Lá hình tim, có lá kèm lớn màu đỏ.

Quả hình cầu có 2 cánh và 5 gờ gần gốc cánh quả.

Đặc điểm sinh học và sinh thái quan trọng	Là loài chiếm ưu thế trong rừng khộp, cây ưa sáng, chịu được khô hạn, lửa rừng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ phân cành sớm kích thước cành to lớn, vỏ Thân xám bong mảnh đến bong mảng, vết vạc vỏ có nhiều xơ màu nâu vàng, sau chảy nhiều nhựa. **Lá** đơn mọc cách, kích thước lá rất lớn, dài 20-50cm, rộng 18-34cm lá kèm nhiều lông, sớm rụng, mặt trên xanh nhẵn. **Hoa** chùm đầu cành, tràng xếp vặn, màu đỏ, viền trắng. **Quả** hình cầu có 2 cánh và 5 gờ.
Công dụng	Gỗ dùng đóng đồ đạc trong gia dụng, xây dựng… Dầu dùng để thắp, pha sơn.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 313, Nxb Nông Nghiệp, 2002

27. DẦU LÔNG

Tên phổ thông loài: Dầu lông, dầu trai

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dipterocarpus intricatus* Dyer

Họ: Dipterocarpaceace

Bộ: Malvaceae

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

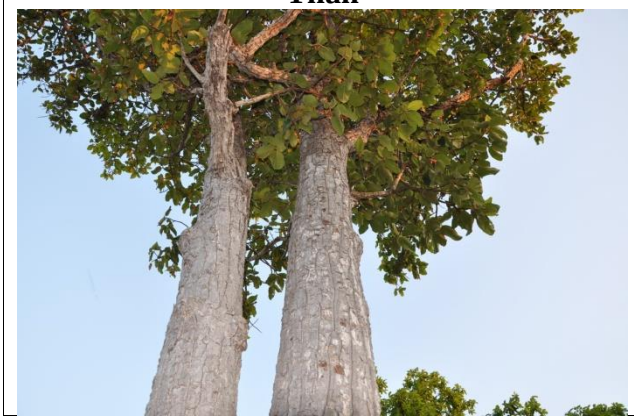

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ xám tro, nứt dọc sâu, thịt vỏ nâu nhạt, giác vàng.

Cành Lá có nhiều lông, gốc Lá hình tim, đầu Lá tù, có lá kèm ngắn.

Quả có 2 cánh đài, phần bầu Quả có gờ xếp nếp, xoăn lại do ống đài tạo thành.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây chiếm ưu thế trong các rừng thưa, độ cao dưới 800m, mọc thuần loài hoặc mọc lẫn trên đất feralit hay đất cát pha.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ xám tro, nứt dọc sâu. Thân thẳng, Cành Lá có nhiều lông, gốc Lá hình tim, đầu Lá tù. **Lá** kèm thường ngắn, dài 3cm. Cụm Hoa hình chùm, bông phân nhánh, cánh tràng Hoa trắng hồng có sọc đỏ sậm. **Quả** có 2 cánh đài, bầu Quả có gờ xếp nếp, xoan lại do ống đài tạo thành. Hai cánh đài dài 8-11cm.
Công dụng	Gỗ dác màu đỏ nhạt, mỏng, lõi màu đỏ sậm, gỗ nặng d= 0,66-0,93, bền nên dùng nhiều trong xây dựng. Cây cũng cho nhựa xám màu nâu.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 311, Nxb Nông Nghiệp, 2002

28. DẦU TRÀ BENG

Tên phổ thông loài: Dầu trà beng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dipterocarpus obtusifolius* Teijsm.

Họ: Dipterocarpaceae

Bộ: Malvaceae

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Nhựa mủ	Hoa, Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ Thân thẳng, vỏ nứt dọc sâu, có nhựa dầu màu trắng.

Lá có dạng xếp nếp quạt, lá có nhiều lông ở mặt dưới, lá kèm bao chồi thường màu đỏ.

Quả hình cầu to 2,5-3cm, 2 cánh đài tồn tại trên quả, bầu Quả tròn đều.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc đất cát pha và sinh trưởng được trên đất xấu đôi khi ngập nước về mùa mưa. Cây ưa sáng mạnh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, Thân thẳng, tròn, vỏ nứt dọc sâu. **Lá** có nhiều lông ở mặt dưới, lá kèm bao chồi dài 7-12cm có lông. **Hoa** có tràng xếp vặn. **Quả** khô, có 2 cánh.
Công dụng	Gỗ cứng, khá nặng, dễ nứt khó gia công, làm cầu, đóng đồ dùng gia đình.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 312, Nxb Nông Nghiệp, 2002

29. DẺ ANH

Tên phổ thông loài: Dẻ Anh

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Castanopsis pyriformis* Hickel. Et A Camus.

Họ : Fagaceae

Bộ : Fagales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Vỏ xám trắng, nứt dọc sâu, thịt vỏ màu nâu đỏ đến vàng nhạt, vết đẽo chuyển sang màu tím. Phiến lá thon nhọn nhẵn.

Hoa cụm bông đuôi sóc đầu cành. **Quả** bế kín khi non có nhiều vảy.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Phân bố rộng từ rừng khộp đến rừng thường xanh. Chịu được khô hạn.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, cao 20-25m. Tán rộng. **Vỏ** xám trắng, nứt dọc sâu. **Lá** đơn mọc cách, hình mác, đầu lá có mũi nhọn, gân bên 7-8 cặp nổi rõ mặt dưới. **Hoa** mọc cụm đầu cành, Hoa đực phân nhiều nhánh. **Quả** hình gần hình cầu, gốc nhọn, có vẩy ngắn.
Công dụng	**Gỗ** xám nhạt, hơi nhẹ dùng xây dựng, đóng đồ mộc.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 151, Nxb Nông Nghiệp, 2002

30. ĐẠT PHƯỚC

Tên phổ thông loài: Đạt phước

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Millingtonnia hortensis* L. f.

Họ: Bignoniaceae

Bộ: Scrophulariales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

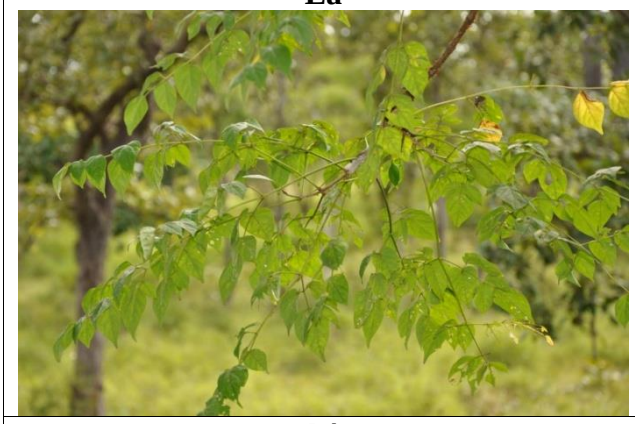

Cành

Thân

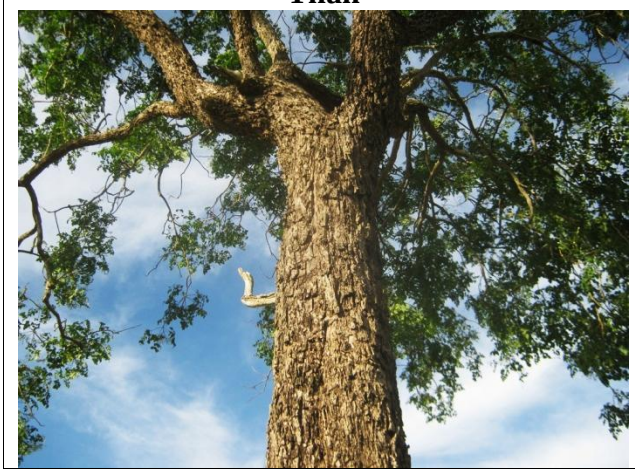

Hoa

Vỏ	Quả
	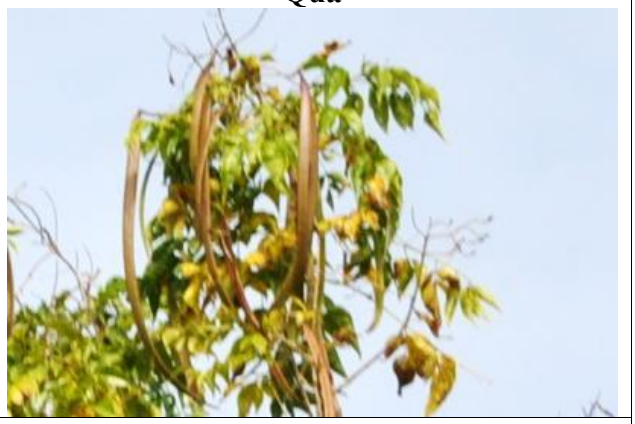

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ Thân nứt nẻ, bong mảnh, màu xám nâu.

Lá kép lông chim 2-3 lần, mọc đối, lá chét nhỏ hình xoan đầu có mũi nhọn, màu xanh lục nhạt.

Cụm Hoa hình chùy, rũ xuống, màu trắng, tràng hợp hình ống trên chia 3 cánh tràng và môi xẻ 2 thùy. **Quả** nang dẹt, dài đến 30cm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thưa, mọc chung với một số loài khác nơi đất ẩm, thường gặp trên các ụ mối.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, phân cành nhiều, thấp, tán rộng và thưa. Vỏ Thân nứt dọc, bong mảnh, màu xám nâu. **Lá** kép lông chim 2-3 lần mọc đối, dài đến 1m, lá phụ hình trái xoan, đầu nhọn, gốc tròn hoặc cắt ngang, dài 2,5-5cm, rộng 2,5-3,7cm, màu xanh lục nhạt. Cụm Hoa hình chùy, rũ xuống, màu trắng, tràng hợp hình ống trên chia 3 cánh tràng và môi xẻ 2 thùy. **Quả** nang thuôn dẹp dài 20-38cm, rộng 2cm. Hạt nhiều có cánh hình bán nguyệt.
Công dụng	Cây cảnh có Hoa đẹp và thơm. Vỏ làm thuốc hạ sốt. **Hoa** dùng ướp hương, ăn được, Hoa khô có tác dụng giãn phế quản. Rễ làm thuốc bổ phổi.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	VU
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 704, Nxb Nông Nghiệp, 2002

31. GÁO ĐỎ

Tên phổ thông loài: Gáo đỏ, Gáo nước

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Neonauclea purpurea* Roxb.

Họ: Rubiaceae

Bộ: Gentianales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

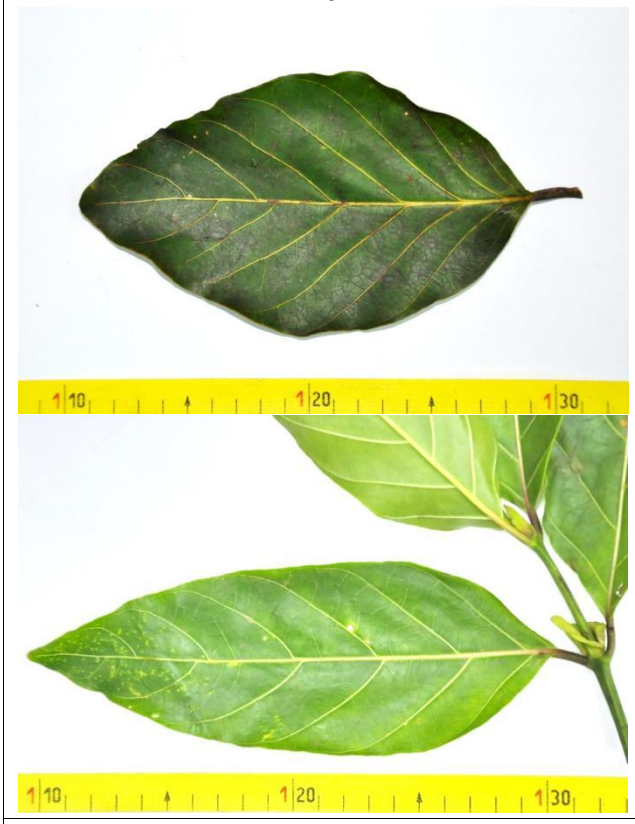

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ có cành mọc ngang, vỏ xám nhẵn, thịt vỏ dày mịn màu nâu hồng, giác vàng. Cành non vuông cạnh. **Lá** đơn mọc đối, có đôi lá kèm hình thìa lớn, mặt lá nhẵn như lá cà phê, cuống dài hơn 2cm, 7-11 cặp gân nổi rõ mặt dưới. **Hoa** mọc cụm hình cầu. Cụm quả hình cầu.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, ưa ẩm. Thường gặp ở ven sông suối rừng khộp đến rừng bán thường xanh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỡ cao 15-20m, vỏ xám nhẵn, cành mọc ngang. Lá đơn mọc đối, có 1 đôi lá kèm hình thìa, phiến lá hình xoan dài, đầu tù, lá cành non có mũi nhọn, 20x10cm, cuống dài 2-6cm. Hoa mọc cụm hình đầu, có cuống dài 1-3cm, đơn lẻ hoặc xim 3, đài hình ống, trên chia 5 thùy, ống tràng hình phễu, trên xẻ 5 thùy ngắn, vòi nhụy dài. Quả nang nhỏ, hạt có cánh.
Công dụng	Gỗ vàng đẹp, giác lõi không phân biệt, dùng đóng đồ đạc, xây dựng.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Lê Mộng Chân – Lê Thị Huyền, Thực Vật Rừng, tr. 390, Nxb Nông Nghiệp Hà Nội, 2000.

32. GÁO KHÔNG CUỐNG

Tên phổ thông loài: Gáo không cuống, gáo trắng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Neonauclea sessilifolia* (Hook. F.) Merr.

Họ: Rubiaceae

Bộ: Gentianales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ Thân nhẵn, hình trụ, màu xám trắng. Lá đơn mọc đối, màu xanh lục bóng nhẵn dày, cuống rất ngắn. Lá kèm hình thìa, cao 1-2cm. Cụm Hoa hình đầu ở đầu Cành. Quả phức dạng cầu, mang nhiều quả nang nhỏ.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Sống gần nước hay các khu vực ẩm ướt, tái sinh hạt tốt, mọc nhanh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ vỏ Thân nhẵn, hình trụ, màu xám trắng, phân Cành cao. Lá đơn mọc đối, chéo chữ thập, hình bầu dục, dài 10-15cm, rộng 6-10cm. Cụm Hoa hình đầu ở đầu Cành, chụm 3, cánh tràng hợp, trên chia 5 thùy. Quả kép dạng cầu, nhiều quả nhỏ hình nêm, vỏ hóa gỗ, nứt 4 mảnh.
Công dụng	Gỗ giác lõi phân biệt, dùng làm nhà.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 671, Nxb Nông Nghiệp, 2002

33. GÁO VÀNG

Tên phổ thông loài: Gáo vàng, Gáo tròn

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Haldina cordiflora* (Roxb.) Ridsd.

Họ: Rubiaceae

Bộ: Gentianales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân,

Hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ có vỏ màu xám trắng, hay bong mảng mỏng lớn, hơi Láng. Cành non vuông cạnh. **Lá** đơn mọc đối, cuống Lá dài, phiến Lá tròn, gốc Lá hình tim, đầu lá có mũi nhọn. Đôi Lá kèm thuôn tròn, hình thìa. **Hoa** quả tập hợp thành cụm hình cầu.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, chịu được khô hạn.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ rụng Lá mùa khô hạn, vỏ màu xám trắng, nứt dọc gồ ghề hay bong mảng hơi Láng. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá tròn 10-15cm, gốc Lá hình tim, đầu Lá nhọn gấp, cuống Lá dài 4-9cm. **Hoa** cụm hình đầu cỡ 2cm, Hoa màu trắng vàng, cụm Quả hình cầu, Quả nang nhỏ.
Công dụng	Gỗ mịn, khá cứng nặng, mùa vàng chanh, sau trở thành màu nâu, dùng trong xây dựng và đóng đồ đạc, gỗ dán rất bền đẹp.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 664, Nxb Nông Nghiệp, 2002

34. GIÁNG HƯƠNG

Tên phổ thông loài: Giáng hương Quả to

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Pterocarpus macrocarpus* Kurz.

Họ: Fabaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Hoa

Thân

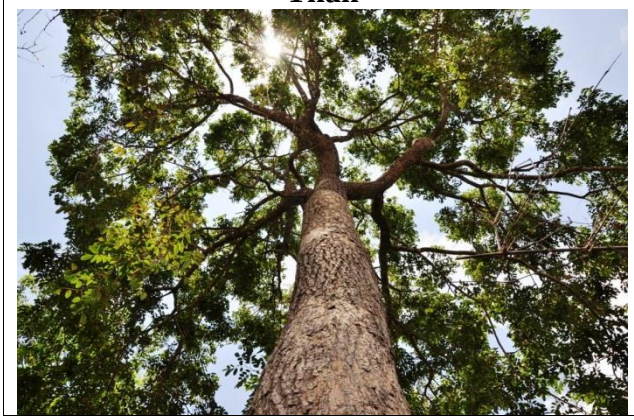

Vỏ, giác gỗ

Nhựa mủ	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ xám nâu, vạc vỏ có nhựa mủ đỏ.

Lá kép lông chim một lần lẻ, có từ 7-9 Lá chét, phiến Lá hình trái xoan, đầu lá có mũi nhọn.

Quả hình cầu tròn, xung quanh có cánh mỏng có nếp nhăn và gân hình mạng.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc trong rừng thưa hay nửa rụng Lá, ven các rừng rậm thường xanh, chịu được điều kiện đất khô xấu.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ rụng Lá theo mùa, Thân vỏ nứt nẻ, bong mảng, dày, màu nâu nhạt đến nâu vàng, tán xòe rộng. Cành non màu nâu, nhạt, có lỗ bì màu trắng. **Lá** kép lông chim một lần lẻ, có từ 3-4 cặp Lá chét. **Quả** hình cầu tròn, xung quanh có cánh mỏng có nếp nhăn và gân hình mạng, trong có chứa 1-2 hạt.
Công dụng	Cây gỗ có vân đẹp màu nâu đỏ, có hương thơm, ít nứt nẻ, không bị mối mọt, dùng trong xây dựng, đồ mỹ nghệ.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	EN
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	II
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 527, Nxb Nông Nghiệp, 2002

35. GÒN RỪNG

Tên phổ thông loài: Gòn rừng

Tên địa phương loài: *Bombax ceiba* L.

Tên khoa học:

Họ: Bombacaeae

Bộ: Malvaceae

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Thân

Cành

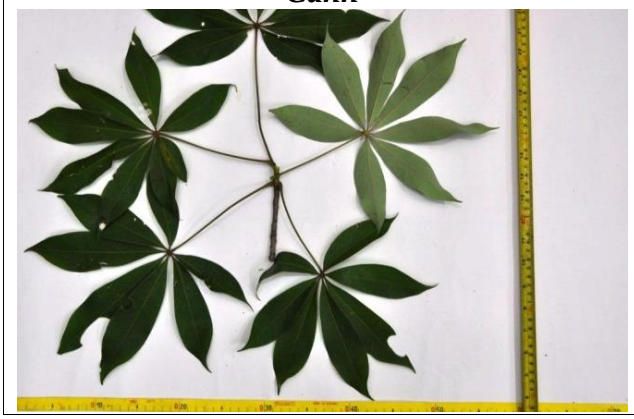

Cây tái sinh

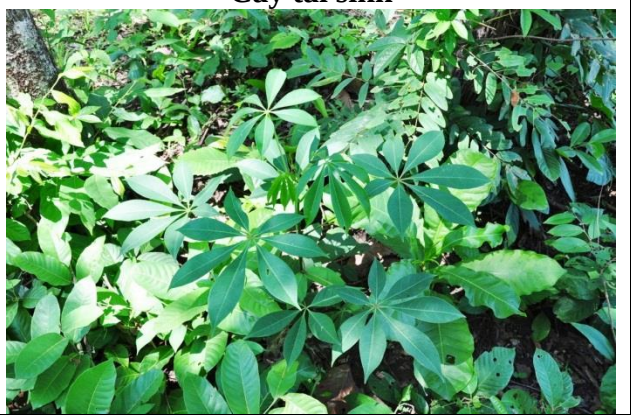

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, Thân thẳng tròn, vỏ Thân màu xám xanh, có nhiều gai nhọn, Thân to tròn, cành non màu xanh lá. **Lá** kép chân vịt mọc cách, có từ 5-7 lá chét hình thon nhọn hay ngọn giáo. Cây tái sinh nhìn rất giống cây mì (sắn).	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây phân bố rộng hầu khắp trung du, miền núi hay đồng bằng. Mùa Hoa tháng 2-3, quả tháng 5-7.
Đặc điểm hình thái	Cây Thân gỗ, thẳng, tròn đều, vỏ có nhiều gai nhọn, lớn. Tán lá rộng, thưa. **Lá** kép chân vịt, cuống lá chung dài 15-20cm, có từ 5-7 lá chét, phiến mỏng dài 9-17 cm, cuống lá chét nhỏ dài 1,5-2cm. **Hoa** màu đỏ vàng lớn, to đến 10 cm, mọc đơn hoặc cụm đầu cành. **Quả** nang hóa gỗ, chín màu đen, tách 5 mảnh, chứa nhiều hạt tròn có lông dài màu trắng có thể bay xa.
Công dụng	**Gỗ** trắng hoặc màu vàng nhạt, xốp, dễ bị mối mọt, dùng đóng đồ đạc như hòm, khay đựng hàng hóa, làm que diêm. **Quả** có nhiều sợi bông, nhồi gối, đệm rất êm.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 348, Nxb Nông Nghiệp, 2002

36. GIÊNG GIÊNG

Tên phổ thông loài: Giêng giêng, chan 1 hột, móng cọp
Tên địa phương loài:
Tên khoa học: *Butea monosperma* (Lamk.) Taub.
Họ: Fabaceae
Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

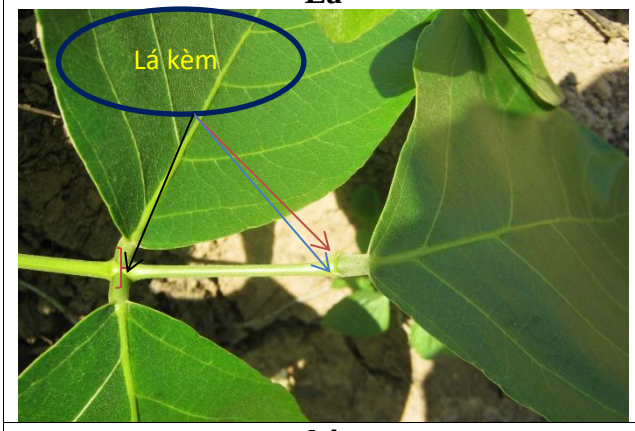

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả
	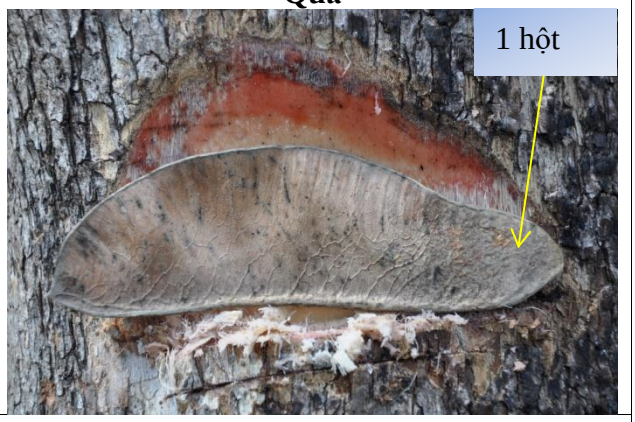

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ Thân cong queo, **vỏ** bong mảnh xù xì, xám nhạt đến xám đen. Vết đẽo có nhựa đỏ.
Lá kép 3 lá chét, có đôi lá kèm ở phía trên đầu cuống chính, cặp cuống phụ và cuống lá phụ giữa, phiến lá chét khá lớn, tròn, 5-6 cặp gân lá.
Hoa thành cụm màu đỏ cam hình móng ngược lên, trông như những đốm lửa cháy – Flame of the forest.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thưa có mùa khô kéo dài, Ea Súp – Đăk Lăk. Cây ưa sáng, mọc trên nhiều loại đất, có thể mọc ở nơi có tầng đất mỏng, nhiều đá, đất cát bồi tụ. Tái sinh mạnh bằng hạt, dưới tán rừng thưa.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ Thân cong queo, thường có khía, vỏ Thân xù xì, mấu nhọn, xám nhạt đến xám đen. Lá kép 3 lá chét, dài 20-30cm, phiến lá khá lớn tròn, gân phụ 5-6, cuống chính kéo dài 4cm từ đôi lá bên đến lá phụ giữa, có đôi lá kèm ở phía trên đầu cuống, cuống phụ và đầu cuống chính phình tròn. Hoa thành cụm màu đỏ cam hình móng ngược lên.
Công dụng	Cây cho Hoa đẹp, trồng làm cảnh. Vỏ cây cho nhựa gôm-Kino. Rễ hạ huyết áp, Hoa lá làm thuốc bổ, hột trị sán lãi.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển , tr. 942, Nxb Trẻ, 1999

37. GÕ MẬT

Tên phổ thông loài: Gõ mật

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Sindora siamensis* Teysm. ex Mig. var *siamensis*

Họ: Caesalpiniaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Lá kép lông chim một lần chẵn, cặp lá trên cùng thường lớn hơn, trên các lá chét, gân bên kéo ra mép tạo thành viền, có 2 lá kèm hình tai nhọn. **Quả** đậu tròn dẹp, có gai ở 2 mặt. Hạt có rốn cứng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, rừng thưa và rừng kín nửa rụng Lá. Cây thích hợp nhiều loại đất, cả đất xấu. Cây non chịu bóng, sau chuyển dần sang ưa sáng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn có vỏ nâu sẫm, có nhiều đốm xám, đốm đen, nứt ngang dọc sau bong mảng hình vuông hay chữ nhật. **Lá** kép lông chim 1 lần chẵn, có từ 3-4 đôi Lá chét hình trái xoan hay trứng ngược có lông nhung mịn, màu xanh vàng, dài 5-10cm, rộng 3-6cm, có một đôi Lá kèm ở nơi đính lá. Cụm Hoa dạng bông phân nhánh, cánh Hoa màu nâu. **Quả** gần tròn, có mũi nhọn, đường kính 4- 6cm, dẹt, hai mặt có gai.
Công dụng	Gỗ cứng nặng, giòn, rất bền. Gỗ mịn dễ gia công, dùng trong xây dựng nhà cửa, đóng đồ dùng gia đình, đồ mỹ nghệ, …
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	EN
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	IIA
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 530, Nxb Nông Nghiệp, 2002

38. KIỀN KIỀN

Tên phổ thông loài: Kiền kiền

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Hopea pierrei* Hance

Họ: Dipterocarpaceae

Bộ: Malvales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

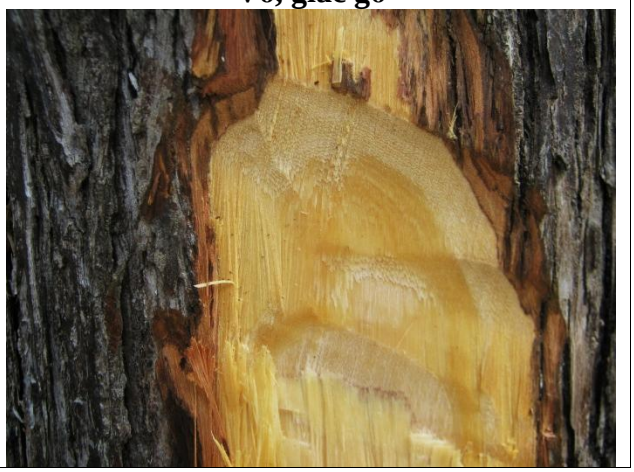

Nhựa mủ	Nhựa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ vỏ Thân xám nâu, nứt dọc nhiều từ dưới lên, thịt vỏ nhiều xơ sợi màu vàng.
Lá đơn mọc cách, hình trứng hay ngọn giáo nhỏ dài đến 6cm, đầu lá nhọn.
Hoa nhỏ mọc cụm xim, màu đỏ nhạt.
Quả hình trứng dài 7-8mm, có những rãnh dọc và 2 cánh,

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Ưa ẩm, ưa sáng cây non chịu bóng, mọc chậm. Ven suối hoặc trên các đồi cao rừng khộp, rừng chuyển tiếp.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ cao lớn 25-30m, đường kính 60-70cm, Thân thẳng, vỏ nứt dọc bong mảnh màu xám nâu. Cành xanh nâu. Lá đơn mọc cách, phiến lá hình trứng hay hình ngọn giáo, dài 3-6cm, rộng 2-4,5cm, đầu lá nhọn. Hoa nhỏ màu đỏ, dài 4-6,5cm, mọc thành cụm hình xim. Quả hình trứng dài 7-8cm, có rãnh dọc và 2 cánh.
Công dụng	Gỗ vàng, để lâu sẫm màu,thớ mịn, dễ làm, dễ uốn, bền, dùng đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	EN
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	II
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 318, Nxb Nông Nghiệp, 2002

39. KƠ NIA

Tên phổ thông loài: Kơ nia

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Irvingia malayana* Oliv. Ex Benn.

Họ: Irvingiaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ lớn thường xanh, tán hình trứng rậm rạp màu lục thẫm, nhìn xa dễ nhận ra. Vỏ ngoài xám hồng, bong nhiều mảnh nhỏ. **Lá** đơn mặt trên xanh bóng, có Lá kèm hình mũi dùi, Lá non có màu tím nhạt. **Quả** hạch hình trái xoan, hạt cứng tồn tại lâu quanh gốc, nguyên hoặc nứt thành 2 mảnh.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc ở rừng thường xanh hoặc rừng thưa nửa rụng Lá, rừng khộp mọc ven sông suối, bãi bằng. Cây nhỏ ưa bóng, có khả năng chịu hạn cao, nảy chồi mạnh.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn thường xanh, tán hình trứng rậm rạp màu lục thẫm. Vỏ ngoài xám hồng, bong nhiều mảnh nhỏ. **Lá** đơn mặt trên xanh bóng, Lá kèm hình dùi dài 2-3,5cm, Lá non có màu tím nhạt. **Quả** hạch hình trái xoan dài 3-4cm, rộng 2,7cm, có 1 hạt, Quả chín màu vàng nhạt, hạt cứng, nứt làm 2 mảnh.
Công dụng	Cây cho gỗ màu vàng, giác lõi không phân biệt, rất cứng nặng d=1,075, nhưng dễ mối mọt, dùng xẻ ván, xây dựng.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 572, Nxb Nông Nghiệp, 2002

40. MÀ CA LÁ LỚN

Tên phổ thông loài: Mà ca lá lớn

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Buchanania latifolia* Roxb.

Họ: Anacardiaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành, cụm Hoa

Thân

Vỏ, giác gỗ

Quả

Nhựa mủ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ có vỏ màu xám tro đến xám đen, nứt dọc ngang thành hình khối, thịt vỏ đỏ, có nhựa mủ màu vàng sau hóa đen cứng. **Lá** đơn mọc cách hình trứng ngược, giống lá cây đào lộn hột, mặt lá nhẵn và gân lá nổi rõ. **Hoa** mọc cụm thưa đầu cành. **Quả** hạch hình cầu hơi dẹt.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc nơi rừng thưa, đất nghèo dinh dưỡng, độ ẩm thấp, tăng trưởng trung bình.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, Thân thường không thẳng, vỏ Thân màu xám tro, nứt dọc. Lá đơn mọc cách, chụm đầu cành. Hoa nhỏ mọc thành cụm. Quả hạch hình cầu dẹt, 1cm.
Công dụng	Gỗ kém chịu mục. Nhựa làm sơn mài, …
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 595, Nxb Nông Nghiệp, 2002

41. MÃ TIỀN QUẠ

Tên phổ thông loài: Mã tiền quạ

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Strychnos nux–blanda* Hill.

Họ: Loganiaceae

Bộ: Gentianales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành lá

Thân

Vỏ, giác gỗ

Quả	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Lá đơn mọc đối, 2 mặt lá đều láng, thuôn nhọn 2 đầu, lá có 3-5 gân gốc thấy rõ.

Quả hình cầu láng bóng, chín màu vàng cam, to bằng trái cam (5-8cm).

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc ở rừng thưa, trảng cây bụi, ưa sáng, chịu được đất khô cằn, bộ rễ lớn, ăn sâu.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, vỏ màu xám xanh (lớp vỏ trong có diệp lục tố). **Lá** đơn mọc đối, dài 10-20cm, phiến lá hình xoan hay thuôn nhọn 2 đầu, lá có 3-5 gân gốc. Cụm Hoa chùm tụ tán, Hoa màu trắng hay vàng lục. **Quả** hình cầu láng bóng, chín màu vàng, đường kính từ 5-8cm.
Công dụng	Cây cho gỗ nhỏ, quả chín ăn được phần thịt vỏ và quanh hạt, hạt có độc dùng để làm thuốc chữa bệnh đau lưng nhức mỏi (ngâm rượu xoa bóp ngoài da, không được uống rượu này hay ăn hạt). Trong hạt có chứa chất Stryxnin làm thuốc.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 659, Nxb Nông Nghiệp, 2002

42. ME RỪNG

Tên phổ thông loài: Me rừng, chùm ruột núi

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Phyllanthus emblica* L.

Họ: Euphorbiaceae

Bộ: Euphorbiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây có vỏ bong như vỏ ổi **Lá** đơn mọc cách, có lá kèm nhỏ, lá mọc 2 hàng trên cành ngắn, trông giống lá kép của me nhà. **Quả** hạch hình cầu, màu xanh vàng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, chịu khô hạn, đất xấu chặt, chịu được lửa rừng. Tái sinh chồi và hạt tốt.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ đến trung bình. **Vỏ** màu xám, lá đơn mọc cách xếp sát nhau trong một mặt phẳng trên cành như lá kép lông chim, lá nhỏ 0.4x1-1.5cm, có lá kèm nhỏ như vảy ở cuống lá. **Quả** hạch hình cầu, màu xanh vàng.
Công dụng	Cây cho gỗ cứng, màu đỏ. **Vỏ** chứa nhiều 89annin, dùng nhuộm, thuộc da. **Quả**, rễ, lá có thể làm thuốc. Hạt chứa nhiều dầu. Me rừng là cây chủ cho thả cánh kiến để lấy nhựa.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 429, Nxb Nông Nghiệp, 2002

43. MÓNG BÒ

Tên phổ thông loài: Móng bò tai voi

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Bauhinia malabrica* Roxb.

Họ: Caesalpiaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

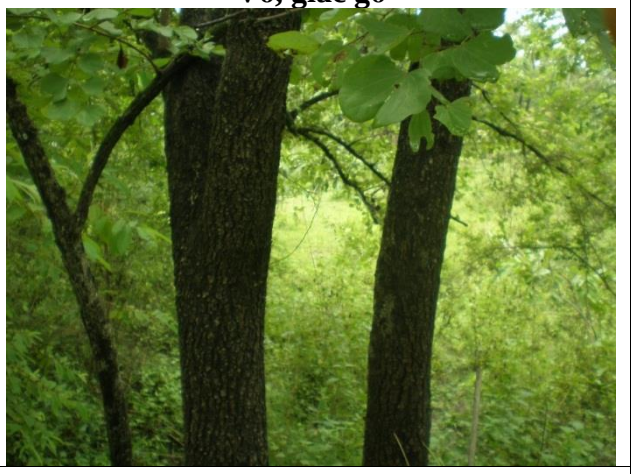

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Lá gồm 2 lá phụ dính nhau hình móng bò, mọc cách. Lá có vị chua ***Cụm* Hoa** mọc ở đầu cành, Hoa không đều có 5 cánh 4 cánh bằng nhau màu trắng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc ở rừng thưa hay rừng chuyển tiếp.
Đặc điểm hình thái	Cây Thân gỗ nhỏ. **Lá** gồm 2 lá phụ dính nhau hình móng bò, mọc cách. Cụm Hoa dạng ngù lớn, mọc ở đầu cành, Hoa không đều có 5 cánh 4 cánh bằng nhau và một cánh cờ với nhiều màu sắc. **Quả** đậu dẹt dài 20-25cm, hơi cong xoắn.
Công dụng	Cây cho Hoa đẹp làm cảnh. **Gỗ** đóng đồ đạc nhỏ.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 1, tr. 855, Nxb Trẻ, 1999

44. NA LÁ RỘNG

Tên phổ thông loài: Na lá rộng, ngọc lan lá rộng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Cananga latifolia* (Hook. F. Et thoms.) Finet et Gagnep

Họ: Anonaceae

Bộ: Anonales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây có vỏ màu xám nâu hay xám trắng.
Cành non và lá có lông mịn. **Lá** đơn mọc cách, gốc hình tim hay bầu dục. Vò lá có mùi thơm cam quýt.
Hoa lớn, mẫu 3, màu vàng nhạt. **Quả** kép, mọng, hình trứng dài 1.5-2cm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây sống trong rừng ẩm thường xanh hay rừng khộp nóng ẩm và khô.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, thường xanh cao 20-25m, vỏ Thân xám nhẵn. ***Cành*** lá rất mềm, có nhiều lông mịn. **Lá** đơn mọc cách, kích thước khá lớn 20-30x10-15cm, có nhiều lông mặt dưới. **Hoa** lớn mẫu 3, mọc phía đối diện với lá. **Quả** kép, mọng, 1,5-2cm. Hạt màu đỏ, nhẵn bóng.
Công dụng	**Gỗ** nhẹ, đóng đồ đạc thông thường hay dùng trong xây dựng. **Gỗ** Thân dùng làm thuốc hạ sốt, vỏ Thân trị các bệnh về hô hấp. **Hoa** cho dầu, ướp trà, hương vị …
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 58, Nxb Nông Nghiệp, 2002

45. NHÃN DÊ

<table>
<tr><td>Tên phổ thông loài: Nhãn dê

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: Lepisanthes rubiginosa (Roxb.) Leenh.

Họ: Sapindaceae

Bộ: Sapindales</td><td>Hình ảnh cả cây</td></tr>
<tr><td colspan="2">Hình ảnh nhận dạng loài</td></tr>
<tr><td>Lá
 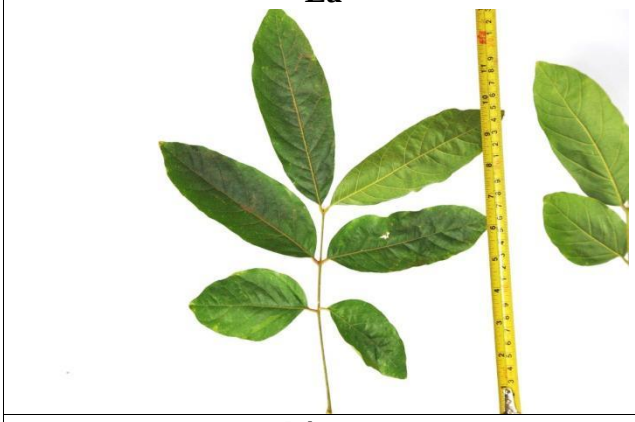 </td><td>Cành
 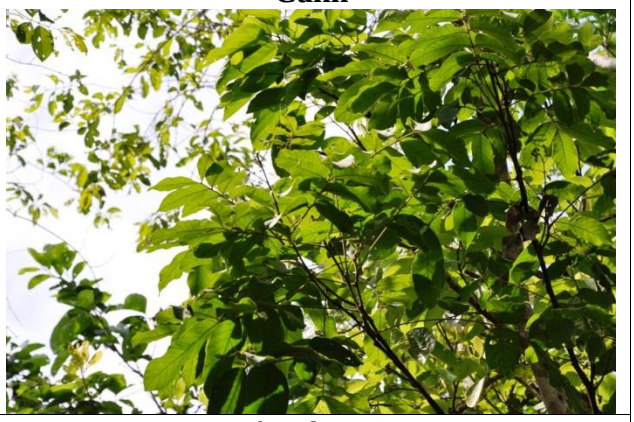 </td></tr>
<tr><td>Thân, vỏ
 </td><td>Cây tái sinh
 </td></tr>
</table>

Hoa	Hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ nhỏ, vỏ xám nứt dọc sâu giống cây thầu tấu lông. ***Cành*** non phủ lông dày màu gỉ sắt. **Lá** kép lông chim chẵn, có 5-6 cặp lá chét lớn mọc đối, lá chét dài đến 20cm, rộng 3-6cm, khá mềm mỏng màu xanh nhạt, mặt dưới nhất là trên gân lá có nhiều lông nhung màu gỉ sắt.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, chịu khô hạn và đất xấu. Cây mọc nơi rừng thứ sinh, trảng cây bụi.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ cao 3-10m, vỏ Thân cành nứt dọc sâu, dày. ***Cành*** non và mặt dưới lá phủ nhiều lông nhung màu gỉ sắt. **Lá** kép lông chim chẵn, dài 20-40cm, có từ 2-8 đôi lá chét mọc đối. **Hoa** cụm đầu cành hay nách lá, Hoa nhỏ, cành Hoa phủ nhiều lông nhung gỉ sắt. **Quả** hạch, tròn dài, chín đỏ sau đen tím.
Công dụng	**Gỗ** cứng, ít mục dùng làm nông cụ, đồ dùng gia đình, mỹ nghệ.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 543, Nxb Nông Nghiệp, 2002

46. NHÀU NHUỘM

Tên phổ thông loài: Nhàu nhuộm

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Morinda tomentosa* Heyn.

Họ: Rubiaceae

Bộ: Gentianales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Vỏ

Quả

Hoa	Gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ nhỏ, vỏ Thân nứt dọc sâu, màu xám vàng, giác màu vàng tươi, phân Cành dài, khẳng khiu. Cành non hơi vuông cạnh.

Lá đơn mọc đối.

Quả hạch nhân cứng dính nhau thành khối hình cầu hay thuôn hình trứng.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây sống trong rừng khộp, rừng thưa Tây Nguyên. **Hoa** tháng 11-4, Quả tháng 4-9.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ, cao 7-15m, vỏ Thân nứt dọc sâu, màu xám vàng, phân Cành dài, khẳng khiu, hơi vuông cạnh. **Lá** đơn mọc đối, thuôn bầu dục, đầu Lá hơi nhọn, dài 8-10cm, có 6-7 cặp gân Lá, mặt trên xanh thẫm, mặt dưới lục nhạt. Cụm Hoa hình đầu ở nách Lá, Hoa trắng nhỏ. **Quả** hạch nhân cứng dính nhau thành khối hình cầu hay thuôn hình trứng.
Công dụng	Gỗ giác vàng đẹp cứng, bền dùng xây dựng nhỏ, rễ cây làm thuốc nhuận tràng, lợi tiểu, hạ huyết áp, Quả non ăn như rau, vỏ cho tanin để nhuộm.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 699, Nxb Nông Nghiệp, 2002

47. NHỌC

Tên phổ thông loài: Nhọc

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Polyalthia ceirasoides* (Roxb.) Benth. Et Hook.

Họ: Annonaceae

Bộ: Annonales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây có vỏ Thân màu xám tro đến nâu đen, giác vàng nhạt.
Lá đơn mọc cách, vò lá có mùi thơm.
Hoa mẫu 3, cánh tràng dày, màu vàng xanh.
Quả kép nhiều quả hình trái xoan có cuống dài, khi chín màu đỏ, 1 hạt.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây chịu khô hạn, thường gặp ở ven rừng thứ sinh, trong rừng thường xanh, là cây ưa sáng, lúc nhỏ ưa bóng. Hạt chịu được lửa, tái sinh tốt.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình cao 10-20m, đường kính 20-50m. **Lá** đơn mọc cách, mặt dưới lá có lông, hình mác, mũi nhọn, gốc lá hơi tròn. **Hoa** mẫu 3, 3 lá đài nhỏ hình tam giác màu xanh, 6 cánh tràng dày màu xanh vàng xếp thành 2 lớp, cuống to và dài 3-4cm. **Quả** kép mang nhiều quả con hình trái xoan có cuống dài, khi chín màu đỏ, 1 hạt.
Công dụng	**Gỗ** vàng nhạt hơi xám, cứng nặng. **Gỗ** dùng đóng đồ đạc, xây dựng
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	IV
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 71, Nxb Nông Nghiệp, 2002

48. QUAU VÀNG

Tên phổ thông loài: Quau vàng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Stereospermum cylindricum* Pierre ex Dop.

Họ: Bignoniaceae

Bộ: Scrophulariales

Quao núi – *Stereospermum colais*

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

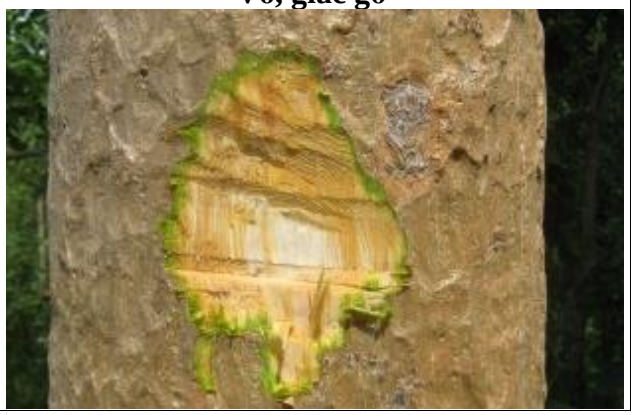

Quả	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ Thân xám hay nâu vàng bóng, lồi lõm, thịt vỏ màu vàng với nhiều lớp mỏng xếp chồng.
Lá kép lông chim 1 lần lẻ, mọc đối, 3-4 đôi.
Quả nang dài cong xoắn.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Ven khe suối rừng khộp và rừng giáp ranh, nhiều đá nổi. Ưu hợp: Cà chít – gõ mật – thị …
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình, phân cành cao, vỏ lồi lõm, màu nâu vàng bóng. **Lá** kép lông chim lẻ, mọc đối, dài 20-30cm, có 3-4 cặp lá chét. **Hoa** có tràng hợp hình chuông. **Quả** nang xoắn.
Công dụng	**Gỗ** đóng đồ đạc, xây dựng.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	K
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 708, Nxb Nông Nghiệp, 2002

49. QUAO XANH

Tên phổ thông loài: Quao xanh, ké trung bộ

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Stereospermum annamense* A. Chevalier ex Dop.

Họ: Bignoniaceae

Bộ: Scrophulariales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Thân

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Vỏ màu xám trắng, nứt dọc và nứt ngang nhiều tạo nhiều khối chóp nhọn. **Lá** kép lông chim 1 lần lẻ, mọc đối, có lông mịn mặt dưới màu nâu. **Quả** nang.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Mọc nơi rừng thứ sinh hoặc rừng ẩm tiếp giáp với rừng khộp.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ màu xám trắng, nứt dọc và nứt ngang nhiều tạo khối hình trông như da cá sấu. **Lá** kép lông chim 1 lần lẻ, mọc đối, lá chét rộng 8-10cm, dài 12-14cm, có lông mịn mặt dưới màu nâu. **Quả** nang dạng đũa 4 cạnh.
Công dụng	Dùng đóng đồ đạc gia dụng.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 707, Nxb Nông Nghiệp, 2002

50. RAU SẮNG, RAU NGÓT RỪNG

Tên phổ thông loài: Rau ngót rừng, Rau sắng, rau mì chính

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Meliantha suavis* Pierre.

Họ: Opiliaceae

Bộ: Santalales

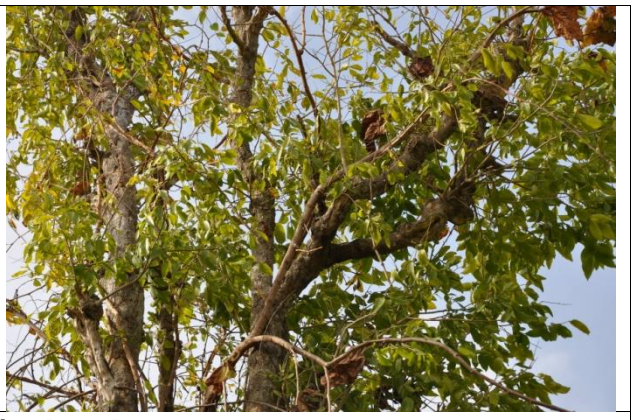

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ Thân mềm, khúc khuỷu, vỏ màu xám xanh, nhiều cành nhánh xanh có đốm lỗ bì màu trắng.

Lá đơn mọc cách, xanh bóng dạng như lá chanh, rất giòn, vò dễ nát.

Hoa nhỏ mọc cụm, rất thơm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thưa, gặp ở Ea Súp – Đăk Lăk. Mọc nơi đất ẩm, ven suối, nhưng vùng ngập nước mùa mưa cây mọc ở phần đất nhô lên cao, thường là ụ mối.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ cao 5-10m, khúc khuỷu, vỏ màu xám xanh, nhiều cành nhánh nhỏ, xanh. **Lá** đơn mọc cách, xanh bóng, phiến lá hình thuôn nhọn 2 đầu dài 7-12x3-4cm. **Hoa** mọc cụm bông chùy ở gần đầu cành hay nách lá đã rụng, phân nhánh, màu xanh lục. **Quả** hạch, hình trứng, chín vàng, 1 hạt màu trắng.
Công dụng	**Lá** có vị ngọt làm rau ăn rất tốt cho sức khỏe. **Quả** chữa bệnh đường ruột, rễ trị giun.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VIII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 631, Nxb Nông Nghiệp, 2002

51. RÂM

Tên phổ thông loài: Râm, chò nhai

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Anogeisus acuminate* (DC.) Giull. Et Perr.

Họ : Combretaceae

Bộ : Myrtaceae

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả
	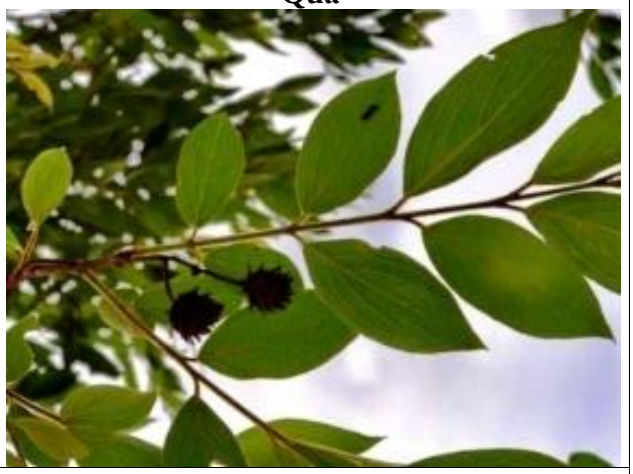

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây Thân gỗ, vỏ Thân xám đen, nứt dọc, cành mảnh rủ xuống, lá và cành non có lông màu trắng bạc.

Lá đơn mọc đối, phiến lá nhỏ 4-6cm, đầu lá nhọn, mặt dưới lá màu nhạt có lông, mặt trên xanh lục.

Cụm Hoa quả hình đầu đường kính 1-2cm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng mọc nhanh, thường mọc ven rừng thứ sinh hay nửa rụng lá. Tái sinh chồi mạnh thường gặp ven đường đi, rẫy cũ.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ Thân xám đen, nứt dọc, cành mảnh rủ xuống, lá và cành non có lông màu trắng bạc. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá nhỏ 4-6cm, mặt dưới lá màu nhạt có lông, mặt trên xanh lục. Cụm Hoa quả hình đầu đường kính 1-2cm.
Công dụng	**Gỗ** cứng nặng, giác xám, lõi xám đỏ, kém chịu nước. Dùng trong xây dựng, đóng đồ dùng gia đình.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 690, Nxb Nông Nghiệp, 2002

52. SẦM

Tên phổ thông loài: Sầm, trâm đất

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Memecylon edule* Roxb.

Họ: Melastomataceae

Bộ: Myrtales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Cành quả

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ nâu đen, nứt dọc, Thân cành dẻo, nhánh non nâu đỏ.

Lá đơn mọc đối mặt lá bóng, phiến lá hình xoan nhỏ 3x4cm.

Hoa tím. Quả tồn tại vết tích của đế Hoa trên đầu như quả họ sim Myrtaceae.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc cả trên đất xấu cằn, chịu được lửa rừng
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ hay bụi, vỏ Thân nứt dọc, cành nhánh mềm dẻo. Cây lá đơn mọc đối, tán lá xanh bóng. Hoa mọc thành cụm màu tím, nhị đính ống tràng. Quả tồn tại vết tích của đế Hoa trên đầu như quả họ sim Myrtaceae.
Công dụng	Cây cho gỗ nhỏ nhưng mềm dẻo có thể làm nông cụ.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 100, Nxb Trẻ, 1999

53. SẾN MỦ

Tên phổ thông loài: Sến mủ

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Shorea roxburghii* G. Don

Họ: Dipterocarpaceae

Bộ: Malvaceae

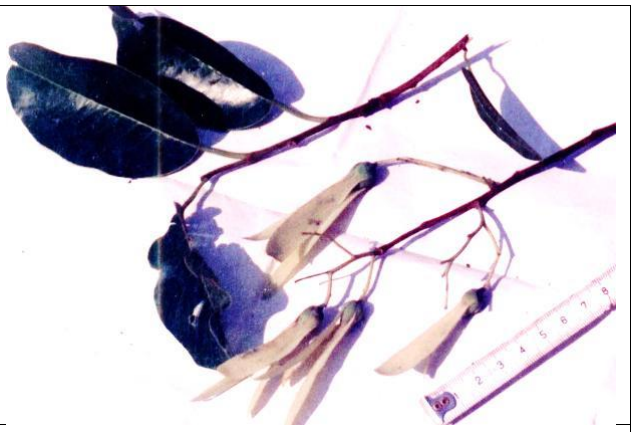

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Hoa

Quả

Vỏ, giác gỗ

Nhựa mủ	Thân

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ màu xám đen, nứt sâu, vỏ màu vàng nâu, nhiều xơ sợi thô, vết nứt có chảy nhựa trắng.

Lá đơn mọc cách, phiến Lá hình bầu dục, nhẵn cả 2 mặt, cuống phình ½ phía gốc lá.

Quả hình trứng, có 3 cánh lớn, dài 5-7cm, 2 cánh nhỏ dài 3-4 cm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc trên nhiều loại đất, nhưng thích hợp với loại đất sâu nhiều mùn.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, Thân thẳng, có bạnh nhỏ. Vỏ Thân dày, màu xám đen, nứt sâu thịt màu vàng nâu. **Lá** đơn mọc cách, phiến Lá hình bầu dục hay mác thuôn, đầu Lá nhọn hay lõm, gốc tròn, rộng, Lá dài 8-14cm, rộng 4-7cm, nhẵn cả 2 mặt. **Quả** hình trứng, có 3 cánh lớn, rộng 1 cm, 2 cánh nhỏ dài 4 cm.
Công dụng	Cây giác lõi phân biệt, màu vàng nhạt, sau thành màu vàng sẫm hay nâu đỏ nhạt.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	III
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 324, Nxb Nông Nghiệp, 2002

54. SÓNG RẮN

Tên phổ thông loài: Sóng rắn, bồ kết tây

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Albizia lebbeck* (L.) Benth.

Họ: Mimosaceae

Bộ: Fabales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ lớn, vỏ xám, nứt nẻ, thịt vỏ dày màu hồng.

Lá kép lông chim 2 lần chẵn, cuống chính dài 20-30cm, 4 cặp cuống lá phụ, mỗi cuống mang 9-10 cặp lá chét nhỏ, gốc lá lệch.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thưa, bán thường xanh, ưa sáng, dễ tái sinh. Ưu hợp họ Dầu – Bàng – Cẩm lai.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ xám, nứt nẻ. **Lá** kép lông chim 2 lần chẵn, cuống chính dài 20-30cm, 4 cặp cuống lá phụ, mỗi cuống mang 9-10 cặp lá chét nhỏ hình chữ nhật, gốc lá lệch. Cụm Hoa hình ngù dạng đầu, hợp hình chùy. **Quả** đậu dẹt, dài.
Công dụng	Gỗ giác lõi phân biệt, cứng, giác dễ mục, lõi cứng đẹp, dùng làm đồ mỹ nghệ, xây dựng. Vỏ chứa tanin, dùng làm nguyên liệu thuộc da. Cây dễ bị nấm linh chi - *Ganoderma lucidum* kí sinh, từ những vết thương có nhiều gum. Do vậy có thể sử dụng Thân cây này để làm giá thể trồng nấm linh chi.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 496, Nxb Nông Nghiệp, 2002

55. SỒI KERI

Tên phổ thông loài: Sồi kerri, giẻ ke, dẻ gân phẳng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Quercus kerri* Craib.

Họ: Fagaceae

Bộ: Fagales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ

Quả	

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, vỏ Thân và cành lớn nứt dọc sâu, cành non phủ lông nhung màu xám nâu.

Lá đơn mọc cách, hình bầu dục thuôn dài, có răng cưa thưa và tù.

Quả có đấu hình chén bao bọc 1/3 – 1/2 quả.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng đến trung tính, cây con chịu bóng. Cây mọc chậm.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình cao 15-20m, đường kính đến 40-50cm, vỏ Thân và cành lớn nứt dọc sâu, cành non phủ lông nhung màu xám nâu. **Lá** đơn mọc cách, hình bầu dục thuôn dài, dài 15-20cm, rộng 4-6cm, có răng cưa thưa và tù. Cụm Hoa đực đầu cành, Hoa cái không cuống đơn độc ở nách lá. **Quả** có đấu hình chén bao bọc 1/3 – 1/2 quả.
Công dụng	Gỗ dùng trong xây dựng, đóng đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 172, Nxb Nông Nghiệp, 2002

56. SỔ 5 NHỤY

Tên phổ thông loài: Sổ 5 nhụy

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dillenia pentagyna* Roxb.

Họ: Dilleniaceae

Bộ: Dilleniales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

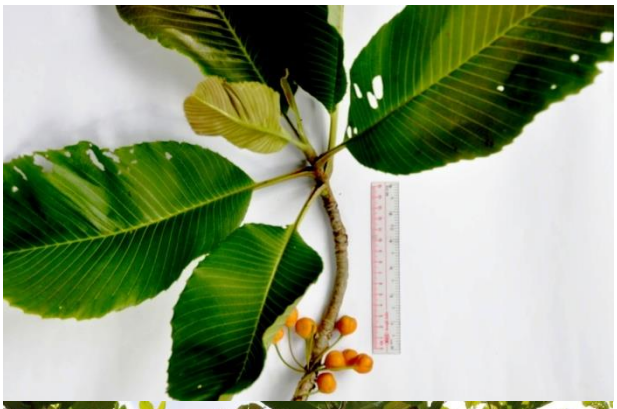

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Lá đơn mọc cách dài 20-25cm, rộng 10-20cm. Gân xếp song song với nhau đều đặn và kéo dài tới tận đỉnh các răng cưa, một vài gân chẻ nhánh ở gần mép.

Hoa màu vàng, cánh đài 5, nhụy 5.

Quả hình cầu, ngoài có Lá đài bao bọc, đường kính 1,5 cm, khi chín Lá đài màu vàng cam hoặc đỏ.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc trong các trảng cây bụi hay trong rừng thưa, khô, rụng Lá hoặc nửa rụng Lá. Cây ưa đất sâu dày.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ vỏ nhẵn màu xám tro, bong mảnh. **Lá** đơn mọc cách dài 20-25cm, rộng 10-20cm, Cành non Lá có thể dài tới 1m. Cuống Lá có cánh. Gân xếp song song với nhau đều đặn và kéo dài tới tận đỉnh thành các răng cưa nhọn. **Hoa** màu vàng, cánh đài 5, màu xanh, có lông. Cánh tràng 5, hình trứng trái xoan đầu tròn, màu vàng. Bầu có 5 Lá noãn. Mỗi Lá noãn mang 20 noãn. **Quả** hình cầu, đường kính 1,5 cm, khi chín màu vàng cam hoặc đỏ. Ngoài có Lá đài bao bọc. Hạt hình trứng, dài 5mm.
Công dụng	Gỗ khô ít nứt nẻ, gỗ dùng trong xây dựng, làm tà vẹt, đóng đồ dùng gia đình. **Quả** ăn được.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 185, Nxb Nông Nghiệp, 2002

57. SỔ TRAI

Tên phổ thông loài: Sổ trai, sổ 10 nhụy

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Dillenia ovata* Wall. Ex Hook.F.et Thoms

Họ: Dilleniaceae

Bộ: Dilleniales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

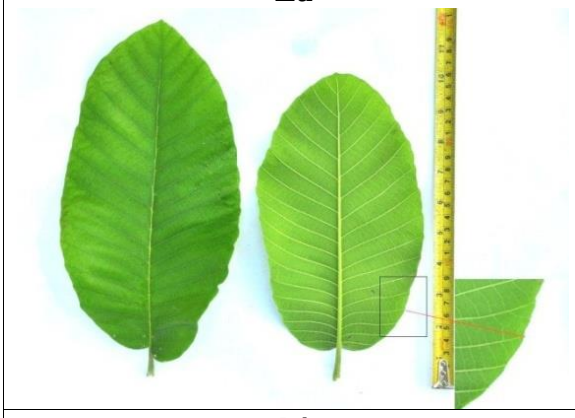

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả, Hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ xám trắng, vết đẽo màu nâu nhạt. **Lá** dạng trái xoan ngược, gân nổi rõ cả 2 mặt, song song với nhau, kéo dài tận mép Lá như gai nhọn 1-2mm. **Hoa** lớn, lá đài có lông mịn, 5 cánh tràng màu vàng, nhị đực nhiều. Bầu có 10 lá noãn, nhụy tồn tại lâu bên trong lá đài.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Loài ưa đất dày và ẩm, mọc rừng thường xanh và rải rác trong rừng khộp. Ưa sáng, chịu được khô hạn, cây rụng lá
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ Thân màu xám có sọc, phân Cành nhiều, mập có nhiều vết sẹo do Lá rụng. **Lá** hình trái xoan, gân bên song song kéo ra mép tạo thành răng cưa, mọc tập trung ở đầu Cành. Hoa màu vàng mẫu 5 có 10 nhụy. **Quả** có Lá đài phát triển bao bọc, dạng hình trứng đường kính 3-4cm.
Công dụng	Gỗ dùng đóng đồ đạc, làm cầu, làm thuyền, dùng trong xây dựng. Vỏ cây có vị chua chát, có tác dụng chữa tiêu chảy, trị kiết. **Quả** có đài mập ăn được.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 184, Nxb Nông Nghiệp, 2002

58. SƠN BIÊN

Tên phổ thông loài: Sơn biên

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Schrebera swietenioides* Roxb.

Họ: Oleaceae

Bộ: Oleales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Lá kép lông chim lẻ, mọc đối. **Hoa** cụm hình chùy thưa đầu cành, Hoa có tràng hình ống, trên xẻ 6 thùy, nhiều lông màu nâu đậm. Hoa thơm mùi như Hoa nhài. **Quả** nang 2 ô, chín hóa gỗ cứng, nứt đôi.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Phân bố rộng, không tập trung từ rừng thường xanh đến rừng khộp Buôn Đôn, Ea Sup.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, Thân mập, tròn, vỏ Thân xám, nứt nhẹ, phân cành dài. Lá kép lông chim lẻ mọc đối, cuống chung dài 20cm, 3-7 lá chét, khoảng 3 cặp lá chét mọc đối cuống dài 1-2cm, phiến lá chét gốc lệch, đầu nhọn dài 6-8cm. Hoa mọc cụm hình chùy thưa, tràng hợp hình ống, trên xẻ 6 thùy nhiều lông màu hung nâu. Quả nang khô hóa gỗ, nứt làm 2 mảnh, ở giữa có vách ngăn. Hạt có cánh mỏng.
Công dụng	Gỗ tốt, khá bền, dùng trong xây dựng, xẻ ván. Vỏ Thân làm thuốc trị mụn nhọt, rễ trị phong hủi. Lá sắc trị ho, tiểu tiện xấu. Trái được cho là chữa bệnh mắt thủy tinh kết mạc.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 693, Nxb Nông Nghiệp, 2002

59. SƠN HUYẾT

Tên phổ thông loài: Sơn đào, Sơn huyết

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Melanorrhoea laccifera* Pierre.

Họ: Anacardiaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Nhựa mủ	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ màu xám tro, thịt vỏ nâu nhạt, có nhựa mủ nâu đỏ sau đen.

Lá đơn mọc cách hình trứng ngược, giống lá cây đào lộn hột, mặt lá nhẵn và gân lá nổi rõ.

Hoa mọc cụm thưa nách lá đầu cành.

Quả hạch hình cầu hơi dẹt, 4-5 cánh tồn tại ở cuống.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc nơi rừng thưa, đất nghèo dinh dưỡng, độ ẩm thấp, tăng trưởng trung bình.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ Thân màu xám tro. **Lá** đơn mọc cách, gân lá nổi rõ, phiến lá hình bầu dục hay xoan ngược, dài 8-12cm. **Hoa** mọc cụm đầu cành, kích thước nhỏ. **Quả** hạch hình cầu, vỏ nhẵn, cuống dài, có 4-5 cánh tồn tại ở cuống.
Công dụng	Gỗ dùng xây dựng, nhựa làm sơn, vecni.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	R
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	I
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 372, Nxb Trẻ, 1999

60. SƯNG

Tên phổ thông loài: Sưng, li gạt

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Semecarpus sp.*

Họ: Anacardiaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Nhựa mủ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ vỏ xám nâu, nứt dọc, thịt vỏ nâu vàng, có nhựa mủ nâu sậm sau đen. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá dài hình trứng ngược, dưới thót lại, mặt dưới màu xám đến nâu nhạt, gân nổi rõ, mép cong lên. **Hoa** nhỏ mọc cụm hình chùy lớn đầu cành, phân nhiều nhánh.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thưa đến bán thường xanh, chịu khô nóng, đất thịt pha cát, ưa sáng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình, cao 10m, phân cành nhiều, vỏ xám nứt dọc nhẹ. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá hình trứng ngược dài 10-20cm, nửa dưới thót nhọn, cuống dài 1cm, mặt dưới lá màu nâu xám, gân nổi rõ, mép cong hướng lên. Cụm Hoa hình chùy đầu cành, dài 15 đến 50cm, phân nhiều nhánh, Hoa nhỏ tạp tính. **Quả** hạch hình cầu.
Công dụng	Gỗ đóng đồ đạc thông thường, nhựa mủ độc có thể làm sơn.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	

61. THÀNH NGẠNH LÔNG

Tên phổ thông loài: Thành ngạnh lông

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Cratoxylon prunifolium* (Kurz.)

Họ: Hypericaceace

Bộ: Theales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân gai – ngạnh

Hoa

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, Thân có nhiều cành hóa thành gai nhọn dài, vạt vỏ có ***nhựa mủ*** vàng, cành lá non có nhiều lông nhung trắng. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá thuôn dài rộng khoảng 2cm.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng mọc nhanh, ở rừng thưa, thứ sinh, cây tái sinh ven đường đi, các trảng trống rất nhiều.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, Thân thẳng có nhiều gai nhọn và to, vỏ xám, bong mảnh, cành lá non có nhiều lông nhung trắng. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá dài 8-12cm, rộng 2cm. **Hoa** trắng mọc thành cụm, 5 cánh.
Công dụng	Cây tiên phong trong quá trình rừng phục hồi, gỗ làm nhà, trụ tiêu.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 214, Nxb Nông Nghiệp, 2002

62. THÀNH NGẠNH

Tên phổ thông loài: Thành ngạnh đỏ ngọn

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Cratoxylon formosum* (Kurz.) Gagnep.

Họ: Hypricaceae

Bộ: Theales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ, *nhựa mủ*

Hoa

Quả nang khô

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ, vỏ Thân cây lớn bong vảy đến mảnh nhỏ, màu nâu, vạc vỏ có nhiều ***nhựa mủ*** vàng, Thân cành có nhiều gai to, cứng và nhọn. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá dài nhọn, không lông, lá non có màu đỏ sẫm sau nhạt dần. **Hoa** trắng, quả nang khô nứt 3 mảnh.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhanh, chịu hạn. Thành ngạnh là cây gỗ tiên phong trong rừng thứ sinh, nương rẫy cũ, ven đường.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình đến lớn, cao 15-20m, đường kính 30-40cm. **Vỏ** Thân màu nâu xám, bong mảnh, nứt dọc nhẹ, Thân cành có nhiều gai to, dài 5-7cm. **Lá** đơn mọc đối, lá non màu đỏ nâu, phiến lá dài nhọn 9-12cm, rộng 2-2,5cm. **Hoa** trắng, mẫu 5, mọc cụm quanh Thân cành. **Quả** nang, hạt có cánh.
Công dụng	Cây cho gỗ nâu nhạt, nặng nhưng không bền, dùng làm trụ cột trồng tiêu, làm nhà. **Lá** non ăn được.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 214, Nxb Nông Nghiệp, 2002

63. THẦU TẤU LÔNG

Tên phổ thông loài: Thầu tấu lông

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Aporosa villosa* (Lind.) H. Baill.

Họ: Euphorbiaceae

Bộ: Euphorbiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Cành

Lá

Thân

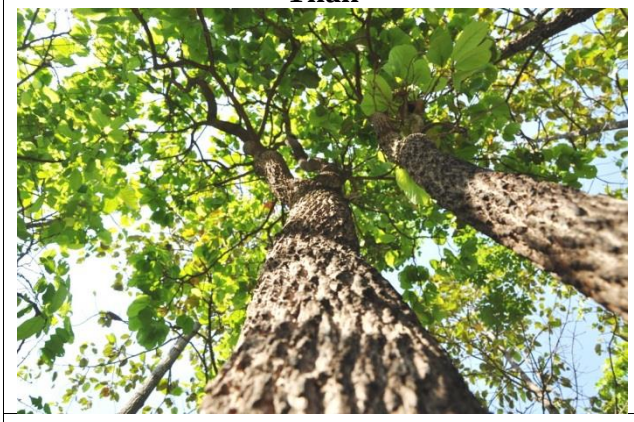

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ nhỏ, vỏ Thân màu xám, nứt dọc nhiều, nhánh non có lông nhung. **Lá** đơn mọc cách, gần tròn, mặt Lá có lông nhung mịn, có đôi Lá kèm hình tai.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng mọc nhanh, thường mọc nơi đất Hoang, rừng thưa, chịu được đất xấu.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ nhỏ cao 6-12m, vỏ Thân màu xám, nứt dọc nhiều, vỏ dính chặt vào giác, rất khó bóc ra. **Lá** đơn mọc cách, mặt Lá có lông nhung mịn, có Lá kèm hình tai. **Quả** nang hình bầu dục kích thước 0,5x1cm. khi chín vỏ nứt ra, quanh hạt bọc một lớp áo mọng nước màu vàng cam hoặc màu vàng nhạt.
Công dụng	Gỗ nhỏ, làm cột, đóng đồ nhỏ, xây dựng. **Quả** ăn được.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 220, Nxb Trẻ, 1999

64. THỊ MÂM

Tên phổ thông loài: Thị mâm

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Diospyros ehretioides* Wall. Ex G. Don

Họ: Ebenaceae

Bộ: Ebenales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa

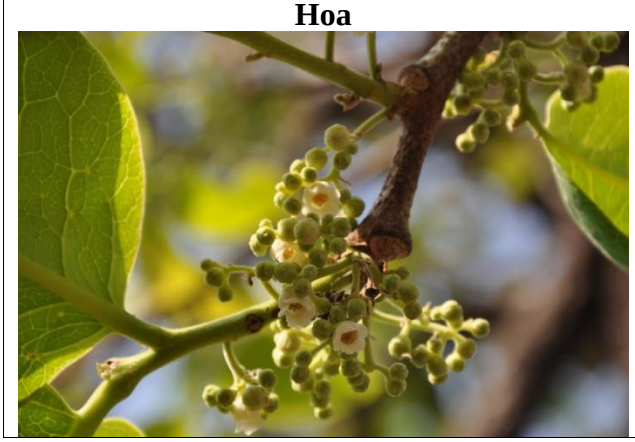

Cành non, nụ hoa

Quả	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây có tán rộng, vỏ xám đen, nứt dọc bong mảnh nhỏ, thịt vỏ nâu đỏ, lớp sát gỗ màu vàng.

Lá đơn mọc cách, phiến lá to và dày, nhiều vết thâm đen do côn trùng hoặc bị tác động va đập.

Quả hình cầu tròn 3cm, bóng, có đài 4 cánh mép cong ngược lên.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thưa, chịu hạn, ưa sáng. Mọc nhiều trong rừng khộp Buôn Đôn, Ea Sup(Đăk lăk); Gia Lai
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ thường xanh, tán rậm và rộng. **Lá** đơn mọc cách, phiến lá to 10-27x8-18cm, dày, hình bầu dục hay hình trứng, có 10-13 cặp gân phụ. **Hoa** đơn tính mọc cụm xim ít Hoa ở đầu cành, Hoa cái mọc đơn độc ở kẽ nách lá. **Quả** hình cầu to 3cm, màu xanh đen, mang đài 4 cánh mép cong ngược lên. Hạt nhỏ màu đen, 5-7mm.
Công dụng	Gỗ nhỏ, màu trắng, bền dùng làm nhà, đồ đạc.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 243, Nxb Nông Nghiệp, 2002

65. THẨU MẬT, THỔ MẬT

Tên phổ thông loài: Thẩu mật

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Briedenia cambodiana* Gagnep.

Họ: Euphorbiaceae

Bộ: Euphorbiales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Thân cây nhỏ có gai nhọn	**Vỏ**

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ có vỏ xám đen, bong mảnh, thịt vỏ đỏ sậm.
Khi cây còn nhỏ, Thân có gai nhọn dài như thành ngạnh.
Lá đơn mọc cách giống lá Cẩm liên (*Shorea siamensis)*, bề mặt có lông mịn và vò lá có mùi hôi

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng Khộp cây họ dầu đến bán thường xanh, Đăk Lăk. Cây có khả năng chịu khô hạn.
Đặc điểm hình thái	Đại mộc vỏ xám đen, bong mảnh. Lá đơn, mọc cách, lá kèm sớm rụng, phiến lá hình xoan hay bầu dục, mặt lá có lông mịn, dài 10-15cm, rộng 6-8cm, 13-19 cặp gân lá, cuống lá dài 1cm. Hoa cụm, Hoa có 5 lá đài cao 3mm, cánh Hoa cao 1,5 mm, đĩa mật. Quả nhân cứng đen, tròn to 6-7mm, bầu 2 ô, hạt 2.
Công dụng	Gỗ dùng đóng đồ đạc, vỏ lá có vị chát an thần, thanh nhiệt, điều kinh, giải độc, thường dùng chữa tê thấp đau xương.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	Chưa phân loại
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 235, Nxb Trẻ, 1999

66. THỪNG MỰC LÔNG

Tên phổ thông loài: Thừng mực lông, mức lông

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Wrightia pubescens* R. Br. Subsp. Lanati (Bl.) Ngân

Họ: Apocynaceae

Bộ: Gentianales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Hoa

Quả

Nhựa mủ	Thân

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ, Thân vỏ màu xám tro đến xám đen nhạt, có nhiều lỗ bì, cành non và lá phủ nhiều lông mềm, có nhiều ***nhựa mủ*** trắng.
Lá đơn mọc đối, phiến lá hình bầu dục có nhiều lông mịn.
Hoa mọc cụm đầu cành, màu trắng, mẫu 5.
Quả đại dài 18-20cm, đường kính 1,5-2cm.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhanh, chịu được khô hạn trong các khu rừng thứ sinh, trảng cây bụi.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ trung bình, Thân vỏ màu xám tro đến xám đen nhạt, có nhiều lỗ bì, cành non và lá phủ nhiều lông mềm, có nhiều ***nhựa mủ*** trắng. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá hình bầu dục đầu lá nhọn, có nhiều lông mịn, dài 6-10cm, rộng 3-5cm. **Hoa** mọc cụm đầu cành, màu trắng, mẫu 5. **Quả** đại dài 18-20cm, đường kính 1,5-2cm. Hạt có lông mềm và dài ở 2 đầu.
Công dụng	**Gỗ** trắng vàng nhạt, thớ rất mịn, mềm nhẹ, dễ mục. **Gỗ** dùng làm đồ dùng gia đình, vỏ bút chì, nhạc cụ, trang trí tranh gỗ.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 686, Nxb Nông Nghiệp, 2002

67. TRÁM LÁ ĐỎ

Tên phổ thông loài: Trám lá đỏ

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Canarium subulatum* Guill.

Họ: Buceraceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Nhựa mủ	Quả
	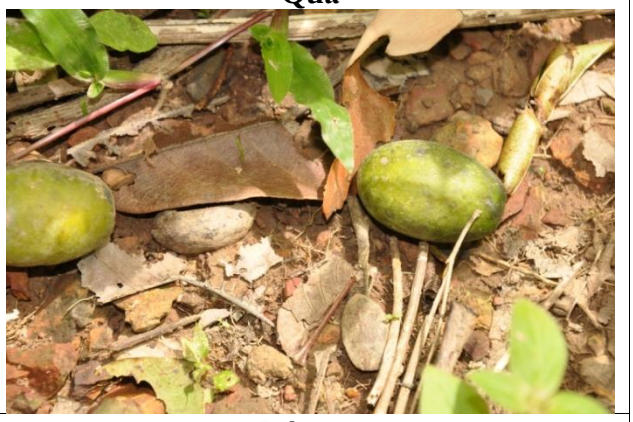

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây Thân gỗ, vỏ xám nứt dọc, bong mảnh mỏng, màu xám nâu, thịt vỏ màu hồng, dày 1-2cm, có nhiều xơ, sạn hạt.

Lá kép lông chim 1 lần lẻ, có 3-6 cặp lá mọc đối, lá dài 30-40cm, phiến lá chét hình xoan. Lá già chuyển sang màu đỏ.

Cụm Hoa mọc ở nách lá hay đầu cành.

Quả hạch, chín vàng xanh, vỏ hạt rất cứng.

Đặc điểm sinh học và sinh tháiquan trọng	Cây ưa sáng mọc nhanh, chịu khô hạn. Tái sinh mạnh ở các rừng thứ sinh.
Đặc điểm hình thái quan trọng	Cây gỗ lớn, vỏ xám nứt dọc, bong mảnh mỏng, màu xám nâu. Lá kép lông chim 1 lần lẻ, có 3-6 cặp lá mọc đối, lá dài 30-40cm, phiến lá chét hình xoan. Cụm Hoa mọc ở nách lá hay đầu cành. Quả hạch, hình trứng, dài 2-2.5cm, hạt có nhân cứng.
Công dụng	Gỗ đóng đồ dùng thông thường, quả ăn được.
Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ	Không
Phân cấp theo nghị định Việt Nam	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 590, Nxb Nông Nghiệp, 2002

68. TRÂM VỐI

Tên phổ thông loài: Trâm vối

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Syzygium cumini* (L.) Druce (*Eugentia tsoi* Merr et Chun)

Họ: Myrtaceae

Bộ: Myrtales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

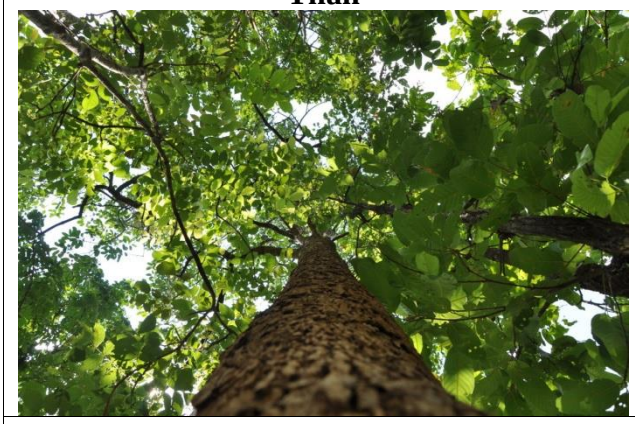

Vỏ, giác gỗ

Hoa

Quả

Hoa	Quả
	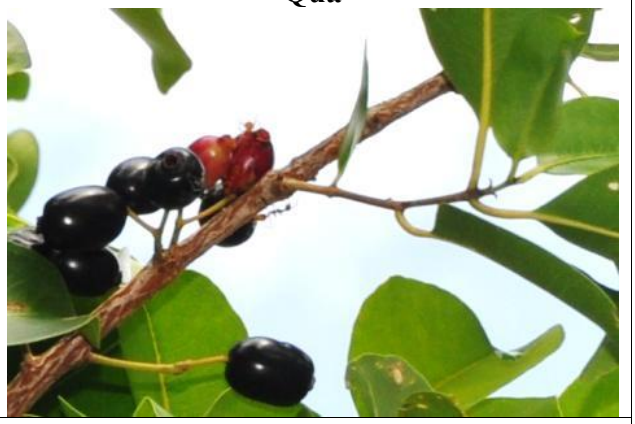

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây gỗ thường xanh, vỏ xám vàng, thịt vỏ dày, màu nhanh thâm tím.

Lá đơn mọc đối, phiến lá dày hình bầu dục xanh nhẵn, các gân bên hợp nhau ở gốc lá, vò lá có mùi thơm.

Quả mọng, có đế Hoa tồn tại trên đầu, chín mọng màu đỏ đến tím đen.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Rừng thưa Yok Đôn, ưa ẩm, mọc dựa suối. Phân bố rộng đến rừng thường xanh, độ cao dưới 800m.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, 15-20m, đường kính đến 80cm. Vỏ Thân bong nứt nhẹ, màu xám đen đến xám vàng, thịt vỏ dày màu nâu nhạt sau sẫm. Tán lá dày và xanh đậm. **Lá** đơn mọc đối, phiến lá cứng dày, hình bầu dục 5x10cm. **Hoa** nhỏ mọc cụm chùy ở cành dưới đoạn đang mang lá, mùi thơm, màu trắng. **Quả** mọng hình bầu dục tròn dài 1-2cm, đầu còn tồn tại đế Hoa.
Công dụng	Gỗ màu nâu nhạt, vân mịn, độ cứng trung bình, dễ gia công, dùng đóng thuyền, đồ đạc, xây dựng. Vỏ cho tanin nhuộm nâu và đỏ sẫm. **Quả** ăn được.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 466, Nxb Nông Nghiệp, 2002

69. VỎ DỤT

Tên phổ thông loài: Vỏ dụt

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Hymenodictyon orixense* (Roxb.) Mabb.

Họ: Rubiaceae

Bộ: Gentianales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ có tán lá xếp tầng, trên bằng, cành ngang, phân nhánh luôn hướng lên. Thịt vỏ màu hồng, có nhiều lớp và mạch to màu nâu vàng. **Lá** đơn mọc đối, tập trung đầu cành, cuống lá dài 3-6cm, phiến hình trứng ngược, đầu tròn có mũi, gốc lá hình nêm. Lá phủ lông mịn.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, mọc nhanh, tái sinh nhiều ở rừng thứ sinh, nương rẫy.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ rụng lá, cao 10-15m, vỏ xám hồng, tán xếp tầng. **Lá** đơn mọc đối, tập trung đầu cành, cuống lá dài 3-6cm, phiến lá hình trứng ngược, có khoảng 10 cặp gân. **Hoa** mọc cụm hình chùy đầu cành và nách lá.
Công dụng	**Gỗ** mềm nhẹ, dùng đóng đồ đạc thông thường.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VII
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 665, Nxb Nông Nghiệp, 2002

70. VỪNG, MƯNG

Tên phổ thông loài: Vừng xoan, mưng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Careya aborea* Roxb.

Họ: Lecythidaceae

Bộ: Lecythidales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Vỏ, giác gỗ

Quả

Hoa	Quả non

Đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Vỏ màu xám tro đến xám đen, vạc vỏ dai, thịt vỏ màu đỏ.

Lá đơn mọc cách hình trứng ngược, rìa mép có răng cưa, cuống lá có màu đỏ, lá già màu đỏ.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa sáng, sống trong rừng khộp hay rừng thưa nửa rụng lá.
Đặc điểm hình thái	Vỏ ngoài phía dưới Thân màu xám tro đến xám đen, bong vảy, nứt dọc, vết vạc vỏ có màu đỏ, nhiều xơ. **Lá** đơn mọc cách hình trứng ngược, rìa mép có răng cưa, cuống lá có màu đỏ, lá già màu đỏ. **Hoa** mẫu 4-5 có rất nhiều nhị màu đỏ, dài nên trông hình thái rất giống Hoa của họ sim (Myrtaceae). Nhìn chung lá, vỏ, cành rất dai. **Quả** thịt gần tròn.
Công dụng	Vỏ dai làm bành voi, cho sợi; lá ăn được; quả cho voi ăn, Hoa bổ, vỏ Thân và rễ có nhiều tanin. Hiện nay, loài bị khai thác làm cảnh, cần xếp vào cấp bảo tồn cao hơn.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 22, Nxb Trẻ, 1999

71. XOÀI

Tên phổ thông loài: Xoài rừng

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Mangifera sp*.

Họ: Anacardiaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ

Nhựa mủ

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài	
Cây gỗ Thân thẳng, vỏ xám, thịt vỏ nâu vàng đến vàng nhạt có mùi thơm, giác trắng. **Lá** đơn mọc cách, cuống lá dài, phiến thuôn dài nhọn 2 đầu, vò lá có mùi thơm đặc trưng. **Quả** hạch hình thận. ***Hạt*** có vỏ dày nhiều xơ và rãnh dọc, tồn tại lâu sau khi quả rụng.	
Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây ưa bóng, chịu khô hạn. Tái sinh dễ bằng cả chồi lẫn hạt.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn Thân thẳng, tròn, vỏ xám, bong mảnh nhỏ. **Lá** đơn mọc cách, cuống lá dài 4-5cm, phiến lá thuôn dài, 2 đầu nhọn, gân lá 16-20 cặp. ***Cụm* Hoa** hình chùy đầu cành, Hoa nhỏ. **Quả** hạch hình thận.
Công dụng	Gỗ tốt, vàng nhạt, thớ thẳng mịn, dùng đóng đồ đạc, xây dựng. **Quả** ăn được.
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	V
Tài liệu tra cứu	Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam – Quyển 2, tr. 365-368, Nxb Trẻ, 1999

72. XOAN CHỊU HẠN

Tên phổ thông loài: Xoan chịu hạn

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Azadirachta indica* Juss.

Họ: Meliaceae

Bộ: Rutales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

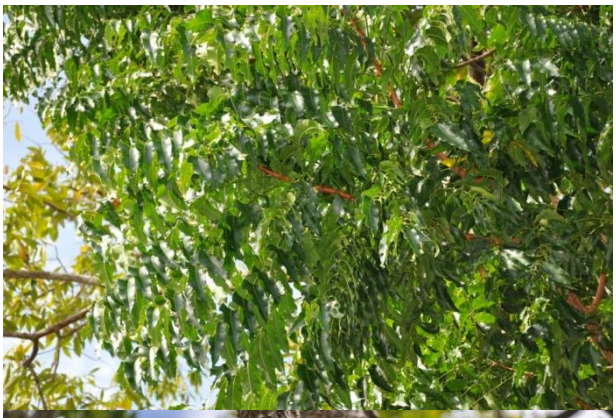

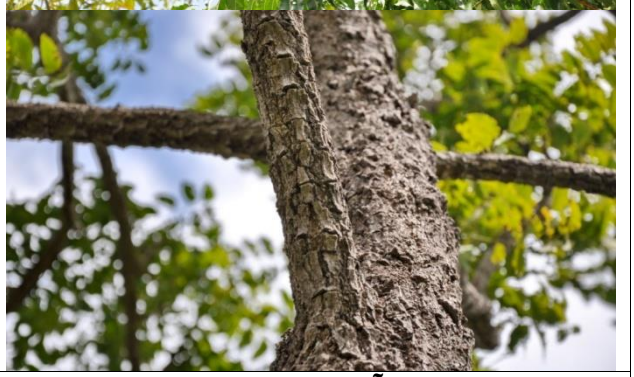

Thân

Vỏ, giác gỗ

Hoa	Quả

Mô tả đặc điểm nhận dạng quan trọng của loài

Cây có vỏ Thân cành nứt nẻ, bong mảnh, thịt vỏ màu từ trắng hồng đến nâu sậm, giác vàng. Cành non màu đỏ, nhiều lỗ bì.

Lá kép lông chim 1 lần lẻ, lá chét mọc đối hay gần đối. Phiến lá chét gốc lệch, đầu nhọn, mép lá có răng cưa không đều và gợn sóng.

Đặc điểm sinh học và sinh thái	Cây mọc nơi rừng thưa, bán thường xanh, Ea Sup, thích nghi cao với điều kiện khô nóng, lửa rừng.
Đặc điểm hình thái	Cây gỗ lớn, vỏ Thân cành nứt nẻ, bong mảnh. Cành non màu đỏ, nhiều lỗ bì. **Lá** kép lông chim 1 lần lẻ, lá chét mọc đối hay gần đối đôi khi mọc cách. Phiến lá chét gốc lệch, đầu nhọn, mép lá có răng cưa, 9-10 cặp gân bên. **Hoa** mọc cụm hình chùy ở nách lá, màu trắng. **Quả** hạch hình thuôn dài 2cm.
Công dụng	Gỗ tốt không bị mối mọt, dùng trong xây dựng, đóng đồ đạc. Cây có chất làm xua đuổi và cản trở sự phát triển của sâu bọ, gây ngán ăn. Chồi non và Hoa làm rau ăn. Làm thuốc, gum làm thực phẩm chức năng… www.en.wikipedia.org/wiki/azadirachta_indica
Phân cấp quý hiếm theo sách đỏ VN-2006	Không
Phân cấp theo nghị định 32/ 2006/ NĐ-CP	Không
Thuộc nhóm gỗ	VI
Tài liệu tra cứu	Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, tr. 579, Nxb Nông Nghiệp, 2002

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

1. Phân cấp quý hiếm trong sách đỏ Việt Nam - IUCN

2. Phân cấp trong nghị định 32/2006/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm
   IA: Bao gồm những loài thực vật rừng bị nghiên cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại
   IIA: Bao gồm những loài thực vật rừng bị hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

PHỤ LỤC II: PHÂN LOẠI THỰC VẬT VÀ NHẬN DẠNG THỰC VẬT THÂN GỖ

1. Phương pháp mô tả, tra cứu dựa vào hình thái
2. Phương pháp nhận dạng nhanh dựa vào các đặc điểm hình thái và tính chất dễ thấy ở thực vật thân gỗ

PHỤ LỤC: XẾP LOẠI THỰC VẬT THEO MỨC ĐỘ NGUY CƠ

THEO SÁCH ĐỎ VIỆT NAM

Kí hiệu viết tắt	**Tiếng Anh**	**Tiếng Việt**	**Ý nghĩa từ**
EX	Extinct	Tuyệt chủng	Cá thể cuối cùng của một loài đã chết
CR	Critically Endangered	Cực kì nguy cấp	Đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong một tương lai rất gần, quần thể suy giảm đến 80%, diện tích phân bố chỉ còn khoảng 100km^2
EN	Endangered	Nguy cấp	Đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong một tương lai rất gần nhưng mức độ thấp hơn trên
VU	Vulnerable	Sắp nguy cấp	Không nằm trong 2 cấp trên nhưng phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong một tương lai không xa, quần thể suy giảm 20%, diện tích phân bố chỉ còn khoảng 20000Km^2
NT	Near threatened	Sắp bị đe dọa	Đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng trong một tương lai không xa.
R	Rare	Hiếm	Phân bố hẹp, số lượng ít, hiện tại chưa bị đe dọa đến sự tồn tại nhưng tương lai không xa sẽ bị.
T	Threatened	Bị đe dọa	Thuộc một trong những cấp trên nhưng chưa đủ tư liệu để xếp vào 1 cấp nào.
K	Insufficiently know	Thiếu dữ liệu	Không biết chính xác và thiếu thông tin để xếp vào một trong những cấp trên.

THEO NGHỊ NGHỊ ĐỊNH 32/2006/NĐ-CP VỀ QUẢN LÝ THỰC VẬT RỪNG, ĐỘNG VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

IA: Bao gồm những loài thực vật rừng bị nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại

IIA: Bao gồm những loài thực vật rừng bị hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại

TÀI LIỆU TRA CỨU

1. Nguyễn Tiến Bân, Cẩm nang Tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam, Nxb Nông Nghiệp, 2002
2. Trần Hợp, Tài Nguyên cây gỗ Việt Nam, Nxb Nông Nghiệp, 2002
3. Phạm Hoàng Hộ, Cây cỏ Việt Nam, Nxb Trẻ, 1999
4. Phạm Hoàng Hộ, Thực vật chúng, Nxb Lửa Thiêng, 1972
5. Nguyễn Nghĩa Thìn, Cẩm nang nghiên cứu Đa dạng sinh vật, Nxb Nông Nghiệp, 1996
6. Lê Mộng Trân – Lê Thị Huyền, Thực Vật Rừng, Nxb Nông Nghiệp Hà Nội, 2000
7. Sách đỏ Việt Nam, Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ Hà Nội, 2007

Website:

ww2.bgbm.org
www.iucnredlist.org
www.plantsystematics.org
www.vncreatures.net
www.yokdonnationalpark.vn